

SỐ 2 - 15 THÁNG 7-2012

GIÁO HUẤN XÃ HỘI CÔNG GIÁO

BAN MỤC VỤ CÔNG LÝ VÀ HÒA BÌNH TỔNG GIÁO PHẬN SÀI GÒN

NHÂN QUYỀN *là cái chi chi ???*

. PHẨM GIÁ CON NGƯỜI.....tr. 4

. NHÂN VỊ & NHÂN QUYỀN.....tr. 12

(Lưu hành nội bộ)

HÀNH KHÚC GIÁO HUẤN XÃ HỘI

Lời : Vinh An

Phổ nhạc : Phạm Minh Trí



ĐK: Nào tiến lên, nào tiến lên. Giáo huấn xã hội con



đường chúng ta đi. Nào tiến lên, nào tiến lên.



Giáo huấn xã hội con đường của hôm nay.



Nào anh em cùng hãy tiến lên. Giáo huấn xã
Vị ta mang hình ảnh Chúa Trời. Nêu cao nhân



hội ta chung vui mừng Đem sống đạo vào
vị phẩm giá con người. Luôn bổ trợ yêu



trong đời sống. Ao ước hòa bình công lý yêu
thương đoàn kết. Chăm sóc người nghèo an ủi khổ



thương. Mang theo lời Chúa ra đi thực hành.
đau. Mang theo tình Chúa yêu thương cứu đời



Sáng Danh Thiên Chúa giữa đời đa đoan.
Thứ tha nhân ái chống đạ đày bất công.

Nhạc sinh hoạt của Nhóm cổ vũ "Compendium"

(09/07/2012)



Trong số này...

- 04.**
PHẨM GIÁ CON NGƯỜI
- 12.**
NGUYÊN TẮC THỨ NHẤT
CỦA HỌC THUYẾT XÃ HỘI...
- 17.**
GIEO MẦM PHẨM GIÁ
- 20.**
PHỤ NỮ VIỆT NAM-
NHỮNG XÓT XA...
- 23.**
NHỮNG ĐỒNG XU ĐÁNH RỜI
- 28.**
TAM CHỨNG CẦN TẬN DIỆT
- 30.**
NHÂN QUYỀN
LÀ CÁI CHI CHI?

Tôn trọng NHÂN PHẨM

Một xã hội công bằng chỉ trở thành hiện thực khi được xây dựng trên việc tôn trọng phẩm giá siêu việt của con người. Con người là mục tiêu tối hậu của xã hội, xã hội được tổ chức là nhằm tới con người: “Thế nên, trật tự xã hội và sự phát triển của xã hội phải luôn luôn nhắm tới lợi ích của con người, vì trật tự sự vật phải lệ thuộc vào trật tự con người, chứ không theo cách ngược lại”. Không thể tách rời việc tôn trọng phẩm giá con người với việc tuân thủ nguyên tắc trên. Cần phải “coi mọi người thân cận không trừ ai như cái tôi khác của mình, trong đó trước hết phải xét tới đời sống của họ và các phương tiện cần thiết để sống xứng với phẩm giá”²⁴⁷. Mọi chương trình chính trị, kinh tế, xã hội, khoa học và văn hoá đều phải được soi sáng từ ý thức về sự ưu việt của từng con người vượt trên cả xã hội.

Trích
Tóm lược Học thuyết
Xã hội Công giáo, số 132

PHẨM GIÁ CON NGƯỜI

◆ Lm. Phan Tấn Thành (OP)

Cho đến nay, chúng ta đã lần lượt đối chiếu những điểm tương đồng và khác biệt giữa con người với động vật, qua việc phân tích những quan năng và sinh hoạt của con người, xét như cá thể hoặc như cộng đồng. Bây giờ, đến lúc tổng hợp, chúng ta tự hỏi: Cái gì làm nên đặc trưng của con người? Chúng ta có thể trả lời cách vắn tắt rằng: Đặc trưng của con người là **“nhân tính”** (Latinh: *humanitas*, Pháp: *humanité*, Anh: *humanity*), nghĩa là tính cách làm người! Câu trả lời xem ra ngỡ ngẩn, nhưng chính vì vậy mà ta cần phải tìm hiểu thế nào là “tính người”.

Trải qua lịch sử, người ta tìm cách trả lời bằng nhiều phương thức khác nhau. Luân lý cổ truyền Á đông muốn dạy cho ta biết “nên người” (*Đạo làm người*), bằng cách giữ lễ độ trong lời ăn tiếng nói cũng như cách xử thế. Triết học Tây phương chú ý đến “phẩm giá con người” (*human dignity*, gọi tắt là “nhân phẩm”), đòi hỏi cho mọi công dân được đối xử bình đẳng với nhau trong xã hội. Tâm lý học hiện đại nói đến “nhân cách” (personality) như một trình độ trưởng thành mà con người cần đạt đến. Trong thần học Kitô giáo, vấn đề “nhân tính” (*humanitas*) được nêu lên khi bàn đến mầu nhiệm Nhập Thể (đức Kitô vừa là Thiên Chúa vừa là người: thiên tính và nhân tính hợp nhất trong một ngôi vị) và khi bàn về ơn gọi của con người (con người được dựng nên giống “hình ảnh Thiên Chúa” và được mời gọi kết hợp với Ngài). Mặt khác, danh từ *humanitas* cũng còn được hiểu như là “nhân đạo”, để cao việc đối xử với nhau hợp với tình người, chứ không như loài lang sói. Chúng tôi sẽ cố gắng lần lượt trình bày những lối tiếp cận về phẩm giá con người trong lịch sử tư tưởng Tây phương, đi từ những quan điểm cụ thể của các khoa học nhân văn, cho đến những khái niệm siêu hình của môn triết học và thần học.

Mục I NHÂN PHẨM VÀ NHÂN QUYỀN

Trải qua lịch sử tư tưởng nhân loại, đã có nhiều quan điểm khác nhau về nhân phẩm (phẩm giá con người). Dù sao, vào thời cận đại vấn đề nhân phẩm trở nên nóng bỏng hơn, và đã được điển chế thành văn bản pháp lý quốc tế, bất chấp những quan điểm khác biệt về tôn giáo và triết lý của các dân tộc. Thực vậy, ý thức về sự tôn trọng nhân quyền được phát triển do những hoàn cảnh chính trị xã hội tại châu Âu, cách riêng là các chế độ toàn chế (*totalitarisme*) trong thế kỷ XX dưới nhiều hình thức: Phát xít, quốc xã, cộng sản, quân phiệt. Trong bối cảnh như vậy, việc cấp bách không phải là định nghĩa phẩm giá con người, cho bằng xác định những yêu sách của việc tôn trọng nhân phẩm bằng cách công bố những bản tuyên ngôn nhân quyền.

Danh từ “nhân quyền” (quyền lợi con người: *droits humains - droits de l’homme; human rights*) là một thuật ngữ khá quen thuộc trong ngôn ngữ hằng ngày, nhưng có lẽ ít người đếm được có bao nhiêu thứ quyền lợi, lại càng khó giải thích bản chất của chúng. Chúng ta hãy khởi đi từ những bản tuyên ngôn nhân quyền đã được chấp nhận, rồi từ đó tiến đến những suy tư về nhân phẩm và nhân vị.

Dựa theo tâm nguyên Hán Việt, “quyền” có nghĩa là quả cân hay là thể lực; “lợi” là có ích, dùng được; như vậy “quyền lợi” là điều được phép làm, được đòi hỏi, điều có ích. Thực ra thuật ngữ “quyền lợi” đã được dùng để dịch các từ ngữ Âu châu với ý nghĩa hơi khác. Trong tiếng Latinh *ius* có nghĩa là “điều ngay chính” (gốc của *iustitia*: công bằng, công lý); *droit* trong tiếng Pháp và *right* trong tiếng Anh cũng hàm ngụ tư tưởng như vậy, nghĩa là “điều ngay thẳng” (đối lại với điều sai trái, lệch lạc). Người ta phân biệt giữa *ius obiectivum* (cái gì là ngay thẳng xét theo khách thể: công lý) và *ius subiectivum* (cái gì là ngay thẳng xét theo chủ thể, nghĩa là cái gì thuộc về tôi). Như vậy nói đến “quyền lợi” có nghĩa là nói đến cái gì thuộc về tôi, mà người khác phải tôn trọng dựa trên tương quan công bằng. Tôi có cái xe đạp, nó thuộc quyền sở hữu của tôi; nếu ai ăn cắp chiếc xe thì tôi có quyền đòi lại: Đó là công bằng. “Quyền lợi” khác với “ân huệ, bác ái”: Điều gì là quyền lợi của tôi thì tôi có thể đòi hỏi người khác phải thi hành; còn trong lãnh vực ân huệ thì tôi phải tùy theo lòng hảo tâm của họ.

I. Lịch sử những Tuyên ngôn nhân quyền

Thực khó mà xác định được bản tuyên ngôn nhân quyền đầu tiên ra đời từ thời nào. Trong lịch sử nhân loại, ngay từ cổ thời đã có các bản văn nhìn nhận một vài quyền lợi của con người; tuy nhiên không phải ai ai cũng được hưởng những quyền đó nhưng chỉ có một giai cấp nào, một giới nào đó thôi. Việc nhìn nhận cho hết mọi người, bất luận tuổi tác, phái tính, giai cấp nào, cũng được hưởng một số quyền lợi căn bản như nhau, là một chuyện tương

đối mới mẻ. Người ta thường lấy khởi điểm là bản Tuyên ngôn của cách mạng Pháp ngày 26/8/1789 (*Déclaration des droits de l’homme et du citoyen*): “Hết mọi người đều sinh ra tự do và bình đẳng với nhau”. Văn kiện này có một nguồn gốc lịch sử gần và xa của nó.

A. NGUỒN GỐC

Bản tuyên ngôn các quyền lợi con người của cách mạng Pháp không thành hình một sớm một chiều, lại càng không phải là một thiên thể từ trên trời rơi xuống. Nó đã được chín muồi từ nhiều tư tưởng triết lý, tôn giáo và pháp lý trước đó.

1/ Nguồn gốc gần

Trong số những văn kiện pháp lý gây ảnh hưởng trực tiếp trên tuyên ngôn nhân quyền của cách mạng Pháp cần phải kể đến sắc dụ (*bullae*) *Sublimis Deus* của Đức Thánh Cha Phaolô III (ngày 2/6/1537). Bối cảnh lịch sử của nó là những cuộc tranh luận thần học và pháp lý tiếp theo cuộc khám phá lục địa Mỹ châu: ai có quyền làm chủ lục địa này? Phần đông các nhà thần học Tây-ban-nha thời đó cho rằng vũ trụ này thuộc về Thiên Chúa, cho nên ai theo đạo Thiên Chúa thì có quyền chiếm hữu vũ trụ. Tuy nhiên linh mục Francisco de Vitoria, dòng Đa Minh, giáo sư đại học Salamanca (1484-1546), chủ trương rằng chủ quyền đất đai không dựa trên lý do tôn giáo nhưng dựa trên bản tính con người. Vì thế các thổ dân có quyền làm chủ lãnh thổ của họ, và hoàng triều Tây-ban-nha không có cơ sở pháp lý nào để chiếm cứ. Cuộc tranh luận kéo dài cả chục năm trường. Sắc dụ của đức Phaolô III chấp nhận lập luận của cha Francisco de Vitoria và tuyên bố rằng: “Các thổ dân, tuy không phải là Kitô hữu, nhưng không thể bị tước đoạt tự do và chủ quyền sở hữu. Họ có quyền được hưởng tự do, sở hữu và thủ đắc tài sản. Không ai được phép bắt họ làm nô lệ”. Nên biết là văn kiện này không chỉ mang tính cách thần học, nhưng nó còn có tính cách pháp lý nữa bởi vì nó ràng buộc chính sách của hoàng triều Tây-ban-nha tại Mỹ châu, và cha Bartôlômê de Las Casas đã dựa vào đó để bảo vệ tự do cho các thổ dân. Mặc dù bản văn còn mang nhiều giới hạn về lý thuyết và áp dụng, nhưng nó cũng đã phản ánh ý thức về những quyền lợi gắn với bản tính con người, tựa như: tự do, sở hữu và thủ đắc tài sản. Nó là khởi điểm cho việc thiết lập danh sách các quyền lợi căn bản của con người vào những thế kỷ kế tiếp, chẳng hạn: *Bill of Rights* bên Anh (1689) và những tuyên ngôn độc lập ở Bắc Mỹ (tuyên ngôn bang Virginia và tuyên ngôn độc lập Hoa kỳ năm 1776). Cũng nên biết là cần phải chờ đợi thời gian để có thể kiện toàn không những danh mục các quyền lợi mà kể cả danh hiệu nữa. Vào các thế kỷ XVI-XVII, từ ngữ còn mông lung: quyền của công dân, quyền của con người, *quyền tự nhiên*, *quyền thiên nhiên*, vv... Thế nhưng phải nói rằng chính lý thuyết về quyền tự nhiên đã trở thành nguồn gốc và nền tảng của học thuyết về nhân quyền. ▶

► 2/ Nguồn gốc xa

Thuật ngữ “quyền lợi tự nhiên” (*droit naturel*) có thể sẽ gợi lên trong đầu óc của mỗi người một ý nghĩ khác nhau. Người ta có thể liên tưởng tới những quyền tự do của loài người khi còn sống trong trạng thái tự nhiên (sống thoải mái theo tính tự nhiên, sống giữa thiên nhiên), muốn làm gì thì làm, không bị luật lệ nào cưỡng bách gò bó (theo quan điểm của Jean Jacques Rousseau). Không hiểu trên thực tế có bao giờ con người được hưởng tình trạng đó chưa? Tuy nhiên, ta cũng có thể hiểu quyền lợi “tự nhiên” (naturel) theo nghĩa là những quyền lợi gắn liền với bản tính (bản nhiên: nature) của con người, nghĩa là quyền được hưởng do bẩm sinh chứ không do xã hội ban cấp và thu hồi.

Ý thức về các “quyền lợi bẩm sinh” đã xuất hiện nơi các triết gia Hy Lạp và La Mã trước Kitô giáo. Vào thế kỷ V trước C.N., ông Xôphôcles (k.497-405) trong tác phẩm Antigone có kể rằng một thiếu nữ đã dám bất tuân lệnh của nhà vua ngăn cấm không được chôn cất người anh của mình can tội phản quốc. Nàng dám khẳng khái tâu với vua rằng sở dĩ cô dám làm trái lệnh của vua là vì có luật trời còn cao hơn nữa! Trong tiến trình đòi hủy bỏ chế độ nô lệ, các triết gia Hy-Lạp đã lập luận rằng con người sinh ra đều bình đẳng với nhau; sở dĩ có người làm chủ nhân và có người làm nô lệ là do hoàn cảnh thời thế mà thôi. Dù sao, có thể nói được là ý thức về quyền lợi tự nhiên (hay bẩm sinh) đã chín mùi trong những cuộc đối kháng, chống lại những luật lệ bất công hay hà khắc. Đừng kể quan điểm Kitô giáo về nhân quyền sẽ được nói sau, chỉ cần ghi nhận tên tuổi một vài triết gia cận đại đã gây ảnh hưởng đến các bản tuyên ngôn nhân quyền: Thomas Hobbes (1588-1679), Edward Coke (1552-1634), John Locke (1632-1704). Lập luận của họ đều dựa trên niềm thâm tín rằng: con người có những quyền lợi gắn liền với bản tính (nghĩa là bẩm sinh) chứ không phải là do đặc ân của nhà cầm quyền xã hội ban cấp. Nói cho cùng thì nguồn gốc của các quyền tự nhiên là chính Đấng Tạo hóa đã dựng nên con người; nhưng đó là lối nhìn theo quan điểm tôn giáo hữu thần, điều mà các triết gia và luật gia cận đại không muốn biết tới. Tuy nhiên, đó cũng là một lợi điểm bởi vì nó bắt buộc Giáo hội và thần học phải tìm ra một ngôn ngữ mới, để đối thoại với những người ngoài Kitô giáo và kể cả với người vô tín ngưỡng.

B. BỐN THỂ HỆ NHÂN QUYỀN

Ta có thể lấy bản Tuyên ngôn nhân quyền của cách mạng 1789 bên Pháp, làm khởi điểm của những văn kiện pháp lý cận đại về nhân quyền. Chúng tôi xin nhấn mạnh đến hai tiếng “khởi điểm” bởi vì từ đó tới nay, quan điểm về nhân quyền đã tiến triển rất nhiều. Thực vậy, cần phải ghi nhận rằng trong hậu bán thế kỷ XX, những bản tuyên ngôn nhân quyền không những chỉ dài thêm, về danh sách liệt kê những quyền lợi mà còn tiến triển về phẩm chất nữa. Các học giả nói tới bốn thể hệ nhân quyền: 1/ Thể hệ những quyền tự do chính trị; 2/ Thể hệ những

quyền lợi kinh tế xã hội; 3/ Thể hệ các quyền lợi cộng đồng; 4/ Thể hệ những quyền lợi nhân loại. Dĩ nhiên cần hiểu như là các thể hệ tiếp nối nhau và bổ túc cho nhau, chứ không phải là trực xuất loại trừ nhau. Chúng ta hãy theo dõi những bước tiến đó.



Bản tuyên ngôn nhân quyền cách mạng Pháp

1/ Những tự do và quyền lợi chính trị

Như đã nói trên đây, bản tuyên ngôn nhân quyền cách mạng Pháp đã có những tiền sử xa gần của nó. Nguồn gốc gần hơn cả là những tuyên ngôn bên Anh quốc hồi thế kỷ XVII. Tuy nhiên tuyên ngôn cách mạng 1789 của Pháp đã đánh dấu một giai đoạn mới, bởi vì không những nó được truyền bá và áp đặt trong nước do chính quyền cách mạng, mà còn tại những quốc gia khác ở Âu châu, do những cuộc chinh phục quân sự của hoàng đế Napoléon. Bản tuyên ngôn nhân quyền được sử dụng như khí cụ để lật đổ các chế độ quân chủ. Dưới khía cạnh lý thuyết, ta thấy có sự tiến triển về quan niệm nhân quyền so với các bản văn trước đó. Thực vậy, trước đây, để chống lại những luật lệ bất công hay hà khắc của nhà vua, người ta đã tranh đấu để được hưởng một vài đặc ân, nhưng những đặc ân đó chỉ giới hạn vào một vài điểm cụ thể (thí dụ: có thể theo một tôn giáo khác với quốc giáo; không bị bắt giam vô cớ), hoặc chỉ dành cho một tầng lớp xã hội (quý tộc, giáo sĩ). Tuyên ngôn cách mạng Pháp nhìn nhận cho hết mọi con người sinh ra đều được tự do và bình đẳng.

Tuy nhiên, với dòng thời gian, người ta thấy bản tuyên ngôn cách mạng Pháp có nhiều giới hạn, xét về chủ thể và bản chất của các quyền lợi.

a- *Chủ thể* của những quyền lợi không phải là tất cả mọi con người sinh ra dưới gầm trời này, mà chỉ là những công dân Pháp quốc. Tựa đề của tuyên ngôn đã nói rằng đây là những quyền của con người và của công dân (nhân quyền và dân quyền). Dĩ nhiên những người dân ở các nước thuộc địa, không thể nào yêu sách đòi được hưởng những quyền lợi đó, bởi vì họ đâu có phải là công dân nước Pháp? Ngay cả những phụ nữ và các vị thành niên còn chưa được hưởng quyền công dân kia mà!

b- *Bản chất* của những quyền lợi công dân mang tính cách tiêu cực. Chúng đặt ra giới hạn cho sự can thiệp của Nhà Nước, nghĩa là chính quyền không được phép đụng tới khu vực tự do của các công dân. Trên lý thuyết thì thật là tuyệt vời; nhưng một khi bối cảnh xã hội thay đổi thì những quyền tự do đó chỉ là dụng cụ bảo vệ giới tư sản, còn lớp dân nghèo thì chỉ có quyền tự do chết đói. Điều này đã xảy ra vào thời cách mạng kỹ nghệ bên Âu châu hồi thế kỷ XIX. Giới tư bản nại tới các quyền tự do để có thể thao túng thị trường theo định luật cung cầu, với hậu quả là hàng triệu người rơi vào tình trạng nghèo đói. Như ta đã biết, đó cũng là nguyên nhân đưa tới những cuộc cách mạng cộng sản tại Âu châu.

2/ Những quyền lợi kinh tế xã hội

Cuộc cách mạng Pháp đã đề ra tuyên ngôn các quyền lợi chính trị của công dân. Đó là thể hệ thứ nhất. Do những thiếu sót vừa nêu, người ta thấy cần phải thêm những quyền lợi kinh tế xã hội. Đây là thể hệ thứ hai, điển hình với bản Tuyên ngôn nhân quyền của Liên Hợp Quốc, được biểu quyết tại Paris ngày 10-12-1948 (*Déclaration universelle des droits de l'homme; Universal declaration of Human Rights*) sau non hai năm thảo luận trải qua 18 dự thảo. Điều Một của văn kiện viết như sau: "Mọi người đều sinh ra tự do và bình đẳng về phẩm giá và quyền lợi. Con người có lý trí và lương tâm, và phải đối xử với nhau trong tinh thần huynh đệ". Nên ghi nhận là nền tảng của nhân quyền được đặt trên phẩm giá của con người (lý trí và lương tâm). Dựa trên nền tảng này, bản tuyên ngôn loại trừ hết mọi thứ kỳ thị về chủng tộc, màu da, phái tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến, tư tưởng. Trong số các quyền lợi được liệt kê chúng ta có thể phân biệt hai nhóm: quyền tự do cá nhân và quyền chính trị xã hội.

(a) Những quyền tự do cá nhân là: sinh sống, an ninh bản thân (đ.3), không bị làm tội mọi (đ.4), không bị hành hạ tra tấn, đối xử trái với nhân đạo (đ.5), không bị giam giữ hay trừng phạt trái phép (đ.9-11), không bị xâm phạm vào đời tư (đ.12), cũng như những quyền được kết hôn và lập gia đình (đ.16), quyền tư hữu (đ.17), quyền tự do tư tưởng, lương tâm, tín ngưỡng (đ.18), quyền tự do có ý kiến và phát biểu (đ.19), quyền hội họp và lập hội (đ.20). Những quyền này đã được nhìn nhận trong hiến pháp của các nước dân chủ rồi.

(b) Những quyền chính trị, xã hội, kinh tế và văn hóa (được liệt kê từ điều 21 trở đi) là: tham gia chính quyền, an sinh,

làm việc và nghỉ ngơi (đ.23-24), bảo hiểm sức khỏe và tai nạn rủi ro (đ.25), giáo dục và văn hóa (đ.26-27).

Trước đây, những quyền tự do chính trị như đặt ra những giới hạn cho sự can thiệp của Nhà nước vào đời sống của tư nhân. Ngày nay, các quyền lợi kinh tế xã hội thì lại đòi hỏi Nhà nước phải hành động, tạo ra những điều kiện nhằm phục vụ cho các quyền lợi ấy (công ăn việc làm, nhà ở, bệnh viện, trường học, vv...).

3/ Những quyền lợi của cộng đồng

Không ai có thể chối được những bước tiến về nhân quyền qua những tuyên ngôn và hiệp ước của Liên Hợp Quốc, nhất là khi so sánh với bản tuyên ngôn 1789 của cách mạng Pháp. Tuy nhiên, đằng sau những bản liệt kê khác nhau về các quyền lợi ta thấy có một quan niệm như nhau về chủ thể của chúng, đó là cá nhân con người. Con người bẩm sinh đã có một số quyền lợi mà xã hội không những không được xâm phạm đến, nhưng còn có bổn phận phải bảo vệ nữa. Thế nhưng quan niệm như vậy xem ra không tưởng, theo nghĩa là nó hình dung cá nhân con người tách rời ra khỏi cộng đồng xã hội, con người hiện hữu trước và ngoài xã hội. Chính vì thế các học giả bắt đầu nói tới thể hệ thứ ba của nhân quyền, với chủ thể là *con người xét như là thành phần của một cộng đồng*. Từ đó, vấn đề nhân quyền lôi kéo theo quyền của các cộng đồng, cách riêng là cộng đồng thiểu số: quyền của các cộng đồng (ngôn ngữ, văn hóa, tôn giáo) được hiện hữu và hoạt động. Cũng trong chiều hướng đó, Liên hợp quốc đã cổ võ không những quyền độc lập tự quyết của các dân tộc, mà còn quyền của những thành phần thường chịu thiệt thòi, chẳng hạn: các thiểu số, các người khuyết tật, các phụ nữ.

4/ Những quyền lợi của nhân loại

Vào những năm cuối cùng của thế kỷ XX, chu vi của thế giới nhân loại xem ra bị thu nhỏ: ra như tất cả mọi người đều sống chung trong một ngôi làng nhỏ, và bất cứ biến cố nào xảy ra tại một vùng trên thế giới cũng đều gây ảnh hưởng cho toàn thể cộng đồng nhân loại. Người ta đã nghiệm thấy điều ấy không những vào hồi chiến tranh vùng Vịnh gây ra cơn sốt giá cả về dầu lửa, mà còn qua những vụ di cư, tị nạn, khủng bố và nhất là môi sinh. Các nước nghèo phải chặt cây đốt rừng để sinh sống và trả nợ cho các nước giàu; nhưng sự phá rừng gây những ảnh hưởng đến thời tiết nhiệt độ của toàn thể địa cầu bất kể là nước giàu hay nước nghèo. Vì vậy mà việc bảo vệ nhân quyền không thể làm ngơ đến quyền của toàn thể cộng đồng nhân loại, bao gồm cả những thế hệ tương lai nữa. Đến đây chúng ta bước sang thể hệ thứ bốn của nhân quyền, trong đó có ghi quyền sống của cá nhân và cộng đoàn, quyền được hưởng hòa bình, quyền của các dân tộc được phát triển về văn hóa và kinh tế vv... Một lần nữa, Liên Hợp Quốc trở thành cơ quan thúc đẩy việc tổ chức những hội nghị về môi sinh, phát triển. ▶

► Như đã nói, bốn thể hệ nhân quyền không loại trừ nhau theo kiểu tre già măng mọc, nhưng chúng đánh dấu sự tiến triển về quan niệm về nhân quyền.

- Từ những quyền tự do căn bản liên quan tới phẩm giá nhân vị, người ta tiến sang những quyền kinh tế văn hóa, xã hội.

- Thêm vào đó, chúng ta cũng thấy có sự tiến triển trong chính quan niệm về con người là chủ thể của các quyền lợi: Từ con người cá thể cần bảo vệ khu vực tự do bất khả xâm phạm của mình, cho đến con người sống trong xã hội, cần được xã hội tạo điều kiện thuận tiện, để con người có thể phát huy tài năng của mình và tham gia vào đời sống xã hội; hơn thế nữa, con người không chỉ là những cá thể rời rạc lẻ tẻ nhưng là phần tử của những cộng đồng: Việc bảo vệ con người kèm theo việc bảo vệ cộng đồng, cộng đồng ngôn ngữ, cộng đồng dân tộc, và cộng đồng nhân loại, gồm những con người đang hiện diện trên mặt địa cầu lẫn những thế hệ tương lai của con cháu chúng ta.

- Như đã lưu ý trên đây, theo nguyên ngữ Latinh, "quyền lợi" có nghĩa là yêu sách được đòi hỏi theo "công lý" (*iustitia*). Nó giả thiết một tương quan giữa các chủ thể: Một bên có quyền lợi, một bên có nghĩa vụ. Sự tiến triển về quan niệm nhân quyền cũng mang theo sự tiến triển về quan niệm tương quan pháp lý. Có thứ tương quan giữa cá nhân với cá nhân, được điều hành bởi công bình trao đổi (*iustitia commutativa*). Có thứ tương quan giữa cá nhân với cộng đồng, được điều hành bởi công bình phân phối (*iustitia distributiva*). Có thứ tương quan giữa cộng đồng này với cộng đồng khác, hoặc giữa cộng đồng nhỏ với cộng đồng lớn, hoặc giữa cộng đồng quốc gia với cộng đồng quốc tế, được điều hành bởi công bình xã hội hay tình liên đới (*iustitia socialis, solidaritas*). Xc. GLCG 2411; TLHTXH 201-203.

C. VIỆC THỰC THI CÁC TUYÊN NGÔN NHÂN QUYỀN

Bản Tuyên ngôn nhân quyền năm 1948 của Liên Hợp Quốc không mang tính cách ràng buộc pháp lý đối với các quốc gia hội viên. Mỗi quốc gia có quyền du nhập hay không, bản danh mục các quyền lợi đó vào pháp chế của mình. Nhằm bổ túc khuyết điểm đó, Liên Hợp Quốc đã cố gắng mang giá trị pháp lý cho bản tuyên ngôn nhân quyền bằng việc thảo ra những Thỏa ước có giá trị như luật quốc tế. Những thỏa ước (*Covenant*) đầu tiên, liên hệ đến các quyền lợi công dân và chính trị (1966), những quyền lợi kinh tế, xã hội và văn hóa (1966). Đó là chưa kể các quy ước (*Convention*) quốc tế khác, cũng có liên quan tới một vài quyền lợi cụ thể hoặc một nhóm người, chẳng hạn, quy ước ngăn ngừa và bài trừ sự diệt chủng (1948), bài trừ nạn buôn người và khai thác mại dâm (1949), quy ước người di cư (1951), bài trừ kỳ thị chủng tộc (1965), bài trừ kỳ thị phụ nữ (1979), bài trừ tra tấn (1984), quyền của các nhi đồng (1989). Thêm vào

đó là những thỏa ước nhân đạo thuộc phạm vi quốc tế công pháp, thí dụ liên quan đến điều kiện đối xử các tù binh, việc xử dụng hơi ngạt.vv. Ta cũng có thể thêm các kế hoạch do Tổ chức Lao động Quốc tế và Tổ chức Văn hóa quốc tế đề xuất, nhằm bảo vệ các quyền lợi xã hội và văn hóa. Chúng ta cũng không thể bỏ qua hoạt động của những cơ quan quốc tế nhằm thăng tiến đời sống con người, thí dụ: Tổ chức Y tế quốc tế, Hội chữ thập đỏ, Tổ chức lương nông quốc tế, vv.

Những văn kiện vừa nói thường đi vào một vấn đề cụ thể với những chi tiết chấp hành. Tuy vậy, việc thực thi chúng còn tùy thuộc vào việc mỗi quốc gia có phê chuẩn thỏa ước hay không.

Ngày nay chúng ta thấy rằng ý thức về nhân quyền càng ngày càng gia tăng, nhưng đồng thời sự vi phạm nhân quyền cũng tàn bạo không kém. Thực ra thì chính lúc nhân quyền bị chà đạp, mà người ta mới tăng thêm ý thức sâu xa về nhân quyền. Như ta đã biết, những bản tuyên ngôn nhân quyền đầu tiên đã ra đời nhằm chống lại bạo quyền của những chế độ chuyên chế, hay các chế độ thuộc địa. Mặt khác, cũng cần thêm rằng càng có ý thức sâu sắc về quyền lợi của mình bao nhiêu, thì con người lại càng nhạy cảm đối với sự xúc phạm bấy nhiêu: Chẳng hạn người phụ nữ tại Âu Mỹ sẽ nhận thấy nhiều sự vi phạm quyền lợi nữ giới, hơn là các chị em sống trong một xã hội vốn đề cao tam tòng tứ đức! Dù vậy thiết tưởng không phải là thừa, khi cố gắng tìm hiểu những khó khăn và trở ngại trong việc áp dụng các bản tuyên ngôn nhân quyền. Có những khó khăn khách quan và chủ quan, về lý thuyết và về thực hành.

1/ Khó khăn thực tiễn sơ đẳng hơn cả bắt nguồn từ bản tính ích kỷ của mỗi người. Chúng ta yêu sách đòi hỏi mọi người phải tôn trọng quyền lợi của ta, nhưng khó có ai thuyết phục được ta phải tôn trọng quyền lợi của người khác! Sự khó khăn đó càng tăng lên gấp trăm ngàn lần, khi mà kẻ vi phạm là Nhà nước với quyền lực trong tay: thử hỏi ai dám chống lại họ? Nếu là người dân trong nước thì sẽ bị ghép tội phản động và sẽ bị trừng trị đích đáng; còn nếu là áp lực đến từ bên ngoài thì sẽ bị tố cáo là xâm phạm vào chủ quyền quốc gia! Như chúng ta đã biết, cho đến nay trên cấp bậc thế giới, chưa có tòa án nào có thẩm quyền xét xử các chính quyền quốc gia về tội vi phạm nhân quyền, lại càng không có lực lượng cảnh sát quốc tế để cưỡng bách họ tôn trọng các tuyên ngôn nhân quyền!

2/ Những khó khăn về lý thuyết cũng không thiếu. Chúng ta đã thấy rằng ý thức về các quyền lợi con người tiến triển dần dần với dòng lịch sử, từ những quyền tự do cá nhân sang đến những quyền chính trị kinh tế xã hội và quyền của các cộng đồng. Nhận xét này đã đưa một số người tới kết luận rằng vấn đề nhân quyền có tính cách tương đối, lệ thuộc vào một khung cảnh văn



Tuyên ngôn nhân quyền năm 1948 của Liên Hợp Quốc

hóa lịch sử cụ thể chứ không mang tính cách phổ quát, có giá trị cho toàn thể nhân loại. Một cách cụ thể hơn, cần ghi nhận sự kiện là các bản tuyên ngôn nhân quyền ra đời tại Âu Mỹ, chịu ảnh hưởng của Kitô giáo. Thực vậy, tuy dù cách mạng 1789 tại Pháp đã muốn phớt lờ Thiên Chúa và cách mạng Mác-Lê đã công khai khước từ Thiên Chúa, nhưng mà Karl Marx, Lênin, Stalin đều chịu ảnh hưởng văn minh Kitô giáo, với ý thức cao về tự do cá nhân và công bằng xã hội. Cách mạng cộng sản ra đời tại châu Âu chứ không phải là từ các quốc gia Hồi giáo, Ấn giáo, Phật giáo, Khổng giáo, Lão giáo! Đây là một lập luận mà các lãnh tụ của các quốc gia Hồi giáo cũng như tại các quốc gia Phi châu và Á châu thường đưa ra: Theo họ, chuyện nhân quyền là con đẻ của văn hóa Âu Mỹ chịu ảnh hưởng Kitô giáo, không phù hợp với tôn giáo văn hóa cổ truyền của họ!

3/ Một khó khăn nữa về lý thuyết đã nảy ra giữa các học giả Âu Mỹ liên can tới chính bản chất của nhân quyền. Các quyền lợi của con người dựa trên nền tảng nào? Đây là nguồn gốc của những quyền lợi con người? Có thể nói tới “quyền lợi” mà không đã động đến các “nghĩa vụ” hay không?

Những khó khăn về lý thuyết, đòi hỏi các học giả thuộc những nền văn hóa hoặc ý thức hệ khác nhau phải đối thoại, để trình bày một học thuyết phổ quát về nhân quyền. Nói cho đúng, trong thời gian soạn thảo bản tuyên ngôn nhân quyền của Liên hợp quốc, những xung

khắc đó đã nảy lên rồi. Trước khi đi tới văn kiện chung kết, người ta đã phải tranh luận 18 dự thảo. Một sự đối kháng đã xảy ra giữa hai khối Tư bản và Cộng sản, biểu lộ qua việc đề cao hai nhóm quyền lợi: Khối tư bản nhấn mạnh tới các quyền tự do cá nhân; khối cộng sản thì tranh đấu cho các quyền kinh tế xã hội. Sau cùng, hai bên đã thỏa hiệp bằng việc kê khai cả hai loại quyền lợi. Thế nhưng sau đó, lại nảy ra vấn đề nền tảng của các quyền lợi. Các nước cộng sản vô thần không muốn nói tới Thiên Chúa hay Đấng Tối cao nào hết. Như chúng ta đã biết, bản tuyên ngôn đã tìm được thỏa hiệp khi đặt nền tảng của nhân quyền trên phẩm giá của con người. Dựa trên kinh nghiệm ấy, các chuyên gia thâm tín rằng vấn đề nhân quyền có tính cách phổ quát cho cả nhân loại, chứ không phải chỉ là sản phẩm của một nền văn hóa riêng tư nào.

Mục II

GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VỚI NHÂN QUYỀN

Những bản tuyên ngôn nhân quyền cận đại, dù là dưới ảnh hưởng của tư tưởng cách mạng Pháp hay của cách mạng vô sản Mác-xít, đã ra đời tại vùng đất chịu ảnh hưởng của Kitô giáo, nơi mà từ lâu đời người ta đã đề cao giá trị của chủ thể, tự do, trách nhiệm cá nhân, cũng như việc tôn trọng công bằng bác ái đối với hết mọi người.

A. NỀN TẢNG KINH THÁNH

Ngay từ những trang đầu của Kinh thánh, chúng ta đã đọc thấy những đoạn viết về phẩm giá cao quý của con người, bởi vì được dựng nên giống hình ảnh Thiên Chúa (St 1,26-27; 5,3; 9,6; Kn 2,23-24). Việc tôn trọng quyền lợi tha nhân được diễn tả cụ thể qua các giới răn ngăn cấm không được làm thiệt hại tới tính mạng, tài sản, danh dự của họ. Nói cho đúng, cần phải mất nhiều thời gian để cho dân Israel nhận ra rằng chân lý này có giá trị cho hết mọi nhân sinh, chứ không phải chỉ có giá trị cho những phần tử thuộc dân riêng Chúa mà thôi. Ý thức đó được trưởng thành từ từ. Dù sao ta nên ghi nhận những ưu khoản dành cho các “ngoại kiều, kẻ góa bụa và mồ côi” (Xh 21,20-23), tức là những thành phần lép vế trong xã hội. Một điểm đặc biệt nữa là tại Israel các vua không có uy quyền tuyệt đối: Họ không thể ỷ lại vào quyền hành để mà cướp người cướp của. Họ sẽ bị trừng phạt nặng nề nếu phạm những tội tày trời đó, như ta thấy hai trường hợp điển hình nơi vua Đavít (2Sam 12,7-10) và vua Acab (1V 21,17-24).

Dĩ nhiên, sang đến Tân ước, việc tôn trọng phẩm giá con người lại còn được đề cao hơn nữa, khi mà đức Kitô đồng hóa mình với những kẻ đói khát, trần truồng, khách lạ, đau yếu, tù tội (Mt 24,31-46). Những trang Phúc âm nói về lòng bác ái không biên cương, đã thúc đẩy bao nhiêu thế hệ Kitô hữu quan tâm phục vụ những kẻ bị xã hội bỏ rơi, không ai đếm xỉa tới.

► Phải nói rằng đó là những tiền đề và nguồn gốc của ý thức về nhân quyền: Phẩm giá con người bắt nguồn từ Thiên Chúa, và ở trên các luật lệ của xã hội. Dựa trên niềm thâm tín đó, các nhà thần học luân lý thời Trung cổ không những biện minh cho việc bất tuân những luật lệ bất công, mà thậm chí cho cả việc nổi loạn lật đổ bạo vương nữa (xc. Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologica* II-II, q.42, a.2, ad 3m). Có lẽ cũng tại vì dựa trên tiền đề ấy, cho nên Giáo hội rất dè dặt đối với bản Tuyên ngôn nhân quyền của cách mạng Pháp năm 1789. Cách mạng đã đòi cho người công dân được các quyền tự do, trong số đó có cả tự do tôn giáo, hiểu theo nghĩa là tự do ly khai khỏi tôn giáo, khỏi phải chấp nhận Thiên Chúa! Thế nhưng thử hỏi rằng: nếu gạt bỏ Thiên Chúa đi thì lấy gì mà biện minh cho quyền lợi của con người? Thần học cổ truyền cho phép người dân chống lại luật pháp bất công, bởi vì quan niệm rằng luật của nhà vua ở dưới luật của Thiên Chúa, vì vậy nếu mà luật vua trái với luật của Trời thì người dân buộc phải theo luật Trời chứ không buộc phải tuân theo luật của vua (xc. Cv 5,29). Giờ đây, nếu chối bỏ Thiên Chúa, thì lấy gì mà biện minh cho một quy chuẩn cao hơn luật pháp của Nhà Nước? Thật là trở trêu khi biết rằng đó cũng là vấn nạn mà Karl Marx nêu lên cho những ai muốn đòi hỏi quyền tự do cho con người, mà không bắt nguồn từ Nhà nước!

B. TỪ CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II

Phải chờ tới Đức Gioan XXIII người ta mới thấy có sự chuyển hướng trong thái độ của Giáo hội đối với lý thuyết về nhân quyền, nhờ việc phân biệt hai thứ ngôn ngữ khác nhau: (a) Có thứ ngôn ngữ phát biểu lòng tin Kitô giáo, dựa trên những chân lý mặc khải; đây là ngôn ngữ dành cho những người đã có lòng tin vào Thiên Chúa. (b) Đến khi phải nói chuyện với người không cùng tín ngưỡng hay vô tín ngưỡng, thì phải dùng một thứ ngôn ngữ khác nằm trong tầm của lý trí tự nhiên. Dựa trên mặc khải, chúng ta biết rằng phẩm giá con người cao quý, bởi vì được dựng nên giống hình ảnh Thiên Chúa và được kêu mời vào hưởng hạnh phúc với Ngài. Giáo hội có bốn phạm rao truyền chân lý về phẩm giá con người. Thế nhưng làm thế nào thuyết phục những người ngoài Kitô giáo chấp nhận phẩm giá con người, nhất là những kẻ không tin có Thiên Chúa? Giáo hội phải đối thoại với con người thời đại với ngôn ngữ mà mọi người hiểu được, đó là ngôn ngữ của pháp luật quốc tế, *ngôn ngữ của nhân quyền*. Hướng đi này được bắt đầu với thông điệp *Pacem in Terris* của đức Gioan XXIII (14-4-1963) gửi đến hết mọi người thiện chí.

Ngôn ngữ đó được công đồng Vaticano II khai triển trong Hiến chế *Vui mừng và Hy vọng*. Phẩm giá con người được khẳng định dựa trên các tài năng tinh thần (trí tuệ, lương tâm, tự do: số 15-17), trước khi nói tới

Gaudium et Spes

On the Church in the Modern World



Vatican Council II

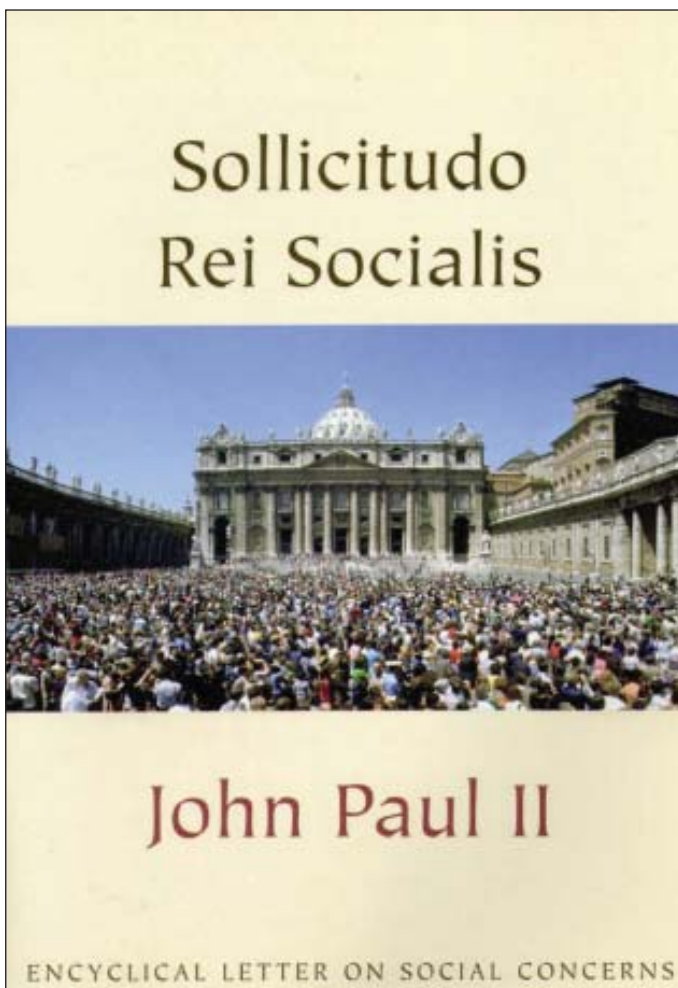
*Công đồng Vaticano II với Hiến chế
"Vui mừng và Hy vọng"*

phẩm tính cao quý vì đã được kết hợp với Thiên Chúa nơi đức Kitô, Ngôi Lời nhập thể (số 22). Những quyền lợi của con người phát xuất từ bản tính con người, chúng là những yêu sách để cho con người sống xứng với phẩm giá của mình. Con người không thể bị đối xử như súc vật hay như đồ vật! Ngôn ngữ này cũng được sử dụng trong Tuyên ngôn về tự do tín ngưỡng, bắt đầu với hai tiếng *Dignitatis Humanae* (phẩm giá con người): Nền tảng của nó là phẩm giá con người, mà bản tính là truy tầm chân lý và gắn bó với chân lý qua việc học hỏi, đối thoại, và tự do chấp nhận sau khi đã thâm tín. Vì vậy mà việc áp đặt bắt con người phải chấp nhận chân lý, hay là cưỡng bách họ phải chối bỏ niềm thâm tín của mình là một điều xúc phạm nặng nề tới phẩm giá con người. Đó là một luận cứ theo ngôn ngữ của pháp lý mà mọi người có thể hiểu được; sau đó sang chương Hai, công đồng mới dùng lập luận của Kinh thánh để nói chuyện với các tín hữu, khi nêu gương của đức Kitô và của các thánh tông đồ trong việc tôn trọng lương tâm con người.

Sau công đồng Vaticano II, sự can thiệp của Giáo hội vào các vấn đề nhân quyền càng ngày càng gia tăng. Chỉ cần trưng dẫn vài thí dụ thì đủ hiểu. Thượng hội đồng Giám mục thế giới họp năm 1971 ghi vấn đề *Công lý trên thế giới* vào chương trình nghị sự, đưa tới việc thiết lập Hội đồng Tòa thánh về Công lý Hòa bình. Cơ quan này đã xuất bản nhiều văn kiện liên quan tới nhân quyền (thí dụ: *Giáo hội và nhân quyền* vào năm 1975 nhân dịp kỷ niệm 25 năm tuyên ngôn nhân quyền của LHQ, Vấn đề nợ quốc tế 1986, Giáo

hội và vấn đề gia cư, 1987), đặc biệt là hợp tác với Ủy ban thần học quốc tế để soạn văn kiện Phẩm giá và những quyền lợi của nhân vị vào năm 1984. Đức Gioan Phaolô II đã đề cập nhiều lần đến nhân quyền, đặc biệt là những bài diễn văn đọc tại Liên Hợp Quốc vào năm 1979 và 1995; và những thông điệp xã hội: *Laborem Exercens* (số 16) *Sollicitudo rei Socialis* (số 26), *Centesimus annus* (số 22 và 47) và thông điệp về sự sống *Evangelium Vitae*. Ngài đã nhấn mạnh đến tất cả bốn thể hệ quyền lợi: Các quyền tự do cá nhân, những quyền xã hội (thí dụ quyền làm việc), quyền của các dân tộc trên đường phát triển, bốn phận bảo vệ môi sinh v.v...

Sự đóng góp đặc biệt của Giáo hội vào vấn đề nhân quyền ở chỗ cung cấp đạo lý về nền tảng nhân quyền, cũng như về những điều kiện luân lý cần thiết để thi hành nhân quyền. Thực vậy, nếu thiếu sự kính trọng nhân phẩm, nếu thiếu tình liên đới bác ái, nếu thiếu ý thức về công ích, thì khó mà nói tới việc tôn trọng quyền lợi của tha nhân! Kinh nghiệm cho ta thấy rằng mỗi người chúng ta hằng hái tranh đấu cho quyền lợi bản thân, nhưng tỏ ra lạnh lùng khi đụng tới bốn phận phải tôn trọng quyền lợi của người khác.



Đức Gioan Phaolô II với Hiến chế
"Quan tâm đến các Vấn đề Xã hội"

Những điểm căn bản của học thuyết Giáo hội về nhân quyền được tóm lại trong Sách *Giáo lý Hội thánh công giáo* số 1929-1933, khi bàn về bốn phận con người sống trong xã hội: tôn trọng phẩm giá nhân vị, liên đới với tha nhân. Đó mới chỉ là những nguyên tắc hướng dẫn. Sách *Giáo lý giải thích* chi tiết ở những chỗ khác, chẳng hạn như phẩm giá con người (số 1700), tôn trọng mạng sống con người (số 2258 tt), thân thể con người (số 2297; 2414), tài sản con người (số 2407tt), những quyền lợi xã hội (số 2419-2449) v.v...

Những nguyên tắc này được trình bày quy mô hơn trong Sách *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội Công giáo* số 131-148; 153-159. Chúng tôi chỉ muốn lưu ý hai đặc điểm.

1/ Nhân quyền bắt nguồn sự phẩm giá con người: Một hữu thể độc nhất vô nhị, có khả năng tự ý thức, làm chủ chính mình, tự quyết định. Mọi người đều bình đẳng về phẩm giá, kể cả những người khuyết tật. Vì thế các quyền lợi này mang tính cách "phổ quát" (hiện hữu trong hết mọi người), "bất khả xâm phạm" và "bất khả chuyển nhượng". Bởi vì các quyền lợi này bắt nguồn từ phẩm giá con người, cho nên chúng mang tính cách "bất khả phân chia". Tuy vậy, cũng có xếp một thứ đẳng trật trong số các quyền lợi đó, đứng hàng đầu là quyền được bảo vệ sự sống từ khi bắt đầu thụ thai cho đến khi chết cách tự nhiên; liền đó là quyền duy trì thân thể toàn vẹn, quyền có những phương tiện đầy đủ và thích đáng để sinh sống, quyền truy tầm chân lý, nền tảng của quyền tự do tín ngưỡng.

2/ Quyền lợi đi đôi với trách nhiệm (hay nghĩa vụ). Đây là một hệ luận tất nhiên trong đời sống xã hội: quyền lợi của một người này đặt ra nghĩa vụ cho những người khác phải tôn trọng nó.

Giáo hội không chỉ dừng lại ở chỗ kêu gọi bảo vệ nhân quyền hoặc tố giác những sự vi phạm, nhưng còn giáo dục lương tâm về ý thức nhân quyền, đồng thời cũng phải nêu gương trong thực hành, khởi đầu ngay từ trong đời sống nội bộ của mình. Bộ giáo luật 1983 đã được duyệt lại trong chiều hướng đó. Đừng kể những quyền lợi gắn liền với bản tính con người, người tín hữu còn có những quyền lợi phát sinh từ bí tích rửa tội nữa. Tất cả mọi tín hữu đều bình đẳng với nhau về phẩm giá, trước khi có những khác biệt về chức vụ, như ta có thể đọc thấy ở đ.208, mở đầu cho thiên nói về các nghĩa vụ và quyền lợi nền tảng của các tín hữu. Ngoài ra Giáo hội còn dẫn thân vào việc bảo vệ nhân quyền, qua biết bao nhiêu phần tử của mình đang phục vụ những thành phần thấp cổ bé miệng, những thành phần đã bị xã hội gạt ra ngoài lề. Và cũng đã có không biết bao nhiêu người đã trả giá cao cho sự phục vụ đó, bằng chính mạng sống của mình! ♦

1. NHÂN VỊ VÀ NHÂN PHẨM THEO CÁI NHÌN CHUNG CỦA NHÂN LOẠI

Người ta thường hiểu con người là con vật có lý trí. Và câu chuyện trong dân gian Việt nam cũng hiểu như thế (chuyện Con cọp và người nông phu). Khi muốn hạ giá người nào, người Việt Nam chúng ta đưa về con vật: Ăn như heo...

Nhân vị:

Khi nói tới nhân vị chúng ta thường hiểu mỗi cá nhân của xã hội loài người là một nhân vị, là **chủ thể của quyền lợi và nghĩa vụ**. Nhân vị dành cho con người nên phải hiểu đó là cá nhân có ý thức và tự do. Vì thế mỗi cá nhân phải được đối xử **bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ**, không phân biệt phái tính, chủng tộc, v.v... **Nhân vị không biệt lập nhưng hướng về nhân vị khác, thông hiệp với nhân vị khác.**

Nhân phẩm:

- Nhân phẩm là phẩm giá con người, là giá trị tinh thần của một cá nhân với tính cách là một con người. (Trích từ bài **TÔN TRỌNG NHÂN PHẨM**);

nhân phẩm của người khác và của bản thân.

2. CON NGƯỜI THEO CUỐN TÓM LƯỢC HỌC THUYẾT XÃ HỘI CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO

2.1 Con người được Thiên Chúa tạo dựng Nhân vật chính của toàn bộ đời sống xã hội là chính con người. Con người nên và phải luôn luôn là chủ thể, là nền tảng và là mục tiêu của đời sống xã hội (số 106). GHXHCG triển khai nguyên tắc: Con người có phẩm giá bất khả xâm phạm (số 107). Con người có phẩm giá của một ngôi vị, có khả năng biết mình, làm chủ mình và tự nguyện hiệp thông với người khác (số 108).

Khởi đi từ điều mọi người công nhận, Giáo hội cho biết con người được kêu gọi để có tương quan với Thiên Chúa. “Thực vậy, con người không lầm lẫn khi họ nhận biết mình cao cả hơn vũ trụ vật chất, và không coi mình chỉ như một mảnh vụn của thiên nhiên, hay như một phần tử vô danh trong xã hội loài người. Bởi vì nhờ có nội giới, con người vượt trên mọi vật. Khi con người quay về với lòng mình tức là họ trở về với nội giới thâm sâu này, ở đó Thiên

NGUYÊN TẮC THỨ NHẤT CỦA HỌC THUYẾT XÃ HỘI CÔNG GIÁO: NHÂN VỊ VÀ NHÂN QUYỀN

◆ Lm. Ernest
Nguyễn Văn Hưởng



- Nhân phẩm chính là những giá trị phản ánh và tạo nên phẩm chất của từng cá nhân. Mỗi con người đều có những giá trị nhất định.

- Người có nhân phẩm là người có danh dự và sẽ được cộng đồng xã hội tôn trọng và đánh giá cao. Người tự đánh mất nhân phẩm, danh dự của mình sẽ là người bị cộng đồng coi thường và đánh giá thấp;

- Người biết tôn trọng nhân phẩm là người có lòng tự trọng, biết đấu tranh và có thái độ không đồng tình với những hành vi xâm hại hoặc chà đạp lên

Chúa, Đấng thấu suốt tâm hồn, đang chờ đợi họ, và cũng nơi đó chính con người tự định đoạt về vận mệnh riêng của mình dưới con mắt của Thiên Chúa” (GS 14).

Cũng trong Hiến chế “Vui mừng và Hy vọng” (GS) Giáo hội không trả lời câu hỏi Con người là gì? Theo kiểu cổ điển: “Con người là một hữu thể có trí khôn, gồm có xác và hồn”, nhưng Giáo Hội hướng về Kinh thánh: “Con người đã được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa” (GS 12), “có khả năng nhận biết và yêu mến Đấng Tạo Dựng mình, được

Ngài đặt làm chủ mọi tạo vật trên trái đất để cai trị và sử dụng chúng mà ngợi khen Thiên Chúa”.

Cũng khởi đi từ Kinh thánh, Giáo hội khai triển chiều kích xã hội: “Nhưng Thiên Chúa đã không tạo dựng nên con người cô độc: Bởi vì từ khởi thủy Ngài đã tạo dựng có nam và có nữ (St 1,2-7). Sự liên kết giữa họ đã tạo nên một thứ cộng đồng đầu tiên giữa người với người. Thực vậy, tự bản tính thâm sâu của mình, con người là một hữu thể có xã hội tính và nếu không liên lạc với những người khác con người sẽ không thể sống và phát triển tài năng của mình” (GS 12).

Con người có bản tính xã hội vì con người không thỏa mãn khi sống với thảo mộc, và sự xuất hiện của người nữ làm thỏa mãn nhu cầu đối thoại liên vị (số 110). Con người liên hệ với những người khác như những người được giao cho sự sống của người khác (số 112). Vì mang tính xã hội nên con người hưởng dùng của cải với trách nhiệm, chứ không được tự do khai thác cách tùy tiện và ích kỷ (số 113).

2.2 Vết thương của tội nguyên tổ

Tội nguyên tổ làm con người mất đi sự thánh thiện và công chính nguyên thủy (số 115), tạo một vết thương nằm nơi sâu xa nhất của con người. Hậu quả của tội là sự tha hóa (xa rời Thiên Chúa và với chính mình, với người khác và thế giới chung quanh) (số 116). Giáo lý về tội nguyên tổ cho biết tội mang tính phổ quát, có nền tảng rất quan trọng. Giáo lý đó mời gọi đừng ở lại trong tội, đừng xem nhẹ tội, cũng đừng đổ lỗi cho người khác. Tuy nhiên không được tách rời giáo lý về sự phổ quát của tội với ý thức về sự phổ quát của ơn cứu độ (số 120).

2.3 Con người được cứu độ

Người kitô hữu nhìn thấy vực sâu của tội nhưng luôn nhìn trong ánh sáng hy vọng do Đức Kitô mang lại (số 121). Nhờ Đức Kitô chúng ta được hiệp thông với Thiên Chúa Ba Ngôi (số 122). Theo Tân ước toàn thể thụ tạo cùng với nhân loại đều chờ đợi Đấng Cứu Chuộc.

2.4 Con người đa dạng

“Giáo huấn Xã hội Công giáo tìm cách chỉ ra những khía cạnh khác nhau của mẫu nhiệm con người: **con người phải được tìm hiểu “trong sự thật toàn vẹn của mình, từ sự hiện hữu của bản thân con người cho đến chiều hướng cộng đồng và xã hội”**, với sự quan tâm đặc biệt sao cho giá trị của con người được mọi người sẵn sàng nhìn nhận” (số 126).

- Tính thống nhất của con người: **Thống nhất hồn xác**, cả hai bản tính kết hợp thành bản tính con người.

- Con người bước ra khỏi mình để hướng về Đấng Vô biên và để hướng đến người khác. Con người độc nhất không thể sao chép và không thể xâm phạm. Từ đó đưa tới việc tôn trọng nhân phẩm: Không thể lấy con người làm bàn đạp để thực hiện dự án, mà trái lại dự án là để phục vụ con người.

- Con người tự do hướng về điều tốt là một trong những dấu hiệu chứng tỏ con người giống Thiên Chúa (số 135).

- Mọi người đều bình đẳng vì được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa và giống Thiên Chúa, “Không có Do Thái hay Hy Lạp, không có nô lệ hay tự do, không có nam hay nữ, vì tất cả anh em đều là một trong Đức Kitô Giêsu” (Gl 3,28; x. Rm 10,12; 1 Cr 12,13; Cl 3,11).

- Con người là hữu thể xã hội (xem bên trên).

3. BẢN TUYÊN NGÔN QUỐC TẾ NHÂN QUYỀN

3.1 Giáo hội với bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền

Giáo hội đánh giá cao bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, Giáo hội ghi nhận “giá trị tích cực của bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, được Liên Hiệp Quốc chấp nhận ngày 10-12-1948, và được Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II coi như **“một cột mốc thực sự trên con đường tiến bộ đạo đức của nhân loại”**. Tôn trọng con người là tôn trọng quyền con người (Nhân quyền). Xác định và công bố các quyền của con người, là một trong những cố gắng quan trọng nhất **nhằm đáp ứng cách hữu hiệu những đòi hỏi tất yếu của phẩm giá con người** (số 152).

3.2 Vài nhận xét về bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền. Vài lưu ý về bản Tuyên ngôn:

- Công nhận **nhân phẩm** của tất cả con người trong đại gia đình nhân loại và những **quyền bình đẳng không thể tước đoạt** của họ là **nền tảng của tự do, công lý và hòa bình** trên thế giới.

- Xem thường và chà đạp nhân quyền đã dẫn đến những **hành động man rợ**.

- Nhân Quyền cần phải được **bảo vệ bằng luật pháp**.

- Các quốc gia hội viên đã cam kết hợp tác với Liên Hiệp Quốc, nhằm cổ vũ việc tôn trọng nhân quyền và các quyền tự do căn bản.

- Dùng sự **truyền đạt và giáo dục**, để nỗ lực phát huy sự tôn trọng các quyền tự do này.

4. HỌC THUYẾT XÃ HỘI VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

4.1 Nguồn gốc quyền con người

Thật ra, nguồn gốc các quyền con người nằm ngay trong chính phẩm giá của mỗi một con người....(số 153). Những quyền này mang những đặc tính **“phổ quát, bất khả xâm phạm, bất khả nhượng.”**

Phẩm giá này đã được nhận thức và lĩnh hội trước tiên là nhờ lý trí. Nền tảng tự nhiên của các quyền này càng trở nên vững chắc hơn khi, nhờ ánh sáng siêu nhiên, người ta nhìn nhận rằng phẩm giá của con người đã được Đức Giêsu Kitô đón nhận và cứu chuộc qua sự nhập thể, qua cái chết và sự sống lại của Người.

4.2 Bản liệt kê Quyền con người của Giáo hội

Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II lập một danh sách các ▶

► quyền ấy trong Thông điệp Centesimus Annus: **“quyền được sống, một phần không thể thiếu trong quyền ấy là quyền của đứa trẻ được lớn lên trong bụng mẹ ngay từ khi thụ thai; quyền được sống trong một gia đình hợp nhất và trong một môi trường luân lý giúp phát triển nhân cách của đứa trẻ; quyền được phát huy trí thông minh, được tự do tìm kiếm và hiểu biết sự thật; quyền được chia sẻ công ăn việc làm để sử dụng các nguồn lực vật chất của trái đất cách khôn ngoan, và quyền được lấy từ việc lao động những phương thế để trợ giúp bản thân và những người lệ thuộc vào mình; và quyền được tự do lập gia đình, quyền có con và dạy dỗ con qua việc thực hiện hành vi tình dục một cách có trách nhiệm. Theo một nghĩa nào đó, nguồn gốc và tổng hợp các quyền này chính là quyền tự do tôn giáo, được hiểu như quyền được sống theo sự thật của đức tin và phù hợp với phẩm giá siêu việt của một con người”** (Số 155).

4.3 Quyền lợi và nghĩa vụ

Liên kết hết sức chặt chẽ với đề tài quyền lợi là vấn đề nghĩa vụ của con người: **“Trong xã hội loài người, quyền của người này là nghĩa vụ cho hết những người khác: Cụ thể là nghĩa vụ phải nhìn nhận và tôn trọng quyền ấy”** (số 156).

4.5 Khoảng cách giữa chữ viết và tinh thần

Thực tế rất đáng buồn là các quyền ấy đã bị xâm phạm, với đủ loại chiến tranh và bạo lực, nhất là những cuộc diệt chủng và lưu đày tập thể, việc mở rộng gần như trên toàn thế giới những hình thức chưa từng thấy của sự nô lệ như buôn người, bắt trẻ em làm lính, bóc lột người lao động, buôn bán ma tuý trái phép, mãi dâm.

Có một khoảng cách giữa **“chữ viết”** và **“tinh thần”** của nhân quyền, **vì người ta chỉ nhìn nhận các quyền này một cách hết sức hình thức** (Số 158). Chính Giáo Hội cũng cảm thấy **nhu cầu phải tôn trọng công lý và các quyền con người ngay trong hàng ngũ Giáo Hội** (số 159).

5. THAY CHO LỜI KẾT

Giáo hội bận tâm rao giảng tin mừng nên **“Đẩy mạnh công lý và hoà bình, đưa ánh sáng và men Tin Mừng thâm nhập mọi lĩnh vực của xã hội con người**, đó luôn luôn là mục tiêu Giáo Hội ra sức nhắm tới khi thi hành mệnh lệnh của Chúa”. Giáo Hội dẫn thân trong công tác mục vụ này theo hai hướng: bằng cách công bố những nền tảng Kitô giáo của nhân quyền và bằng cách tổ giác những sự vi phạm các quyền này³³⁸. Dù sao, **“công bố bao giờ cũng quan trọng hơn là tổ giác, và không thể tổ giác mà quên công bố, vì có như thế việc tổ giác mới chắc chắn và có động cơ cao cả”** ◆

Nhân vị là nguyên tắc nền tảng của Giáo huấn Xã hội

Giao huấn Xã hội Công giáo (GHXHC) đề nghị một quan điểm mới về con người, không thiên về quan niệm thái quá coi con người là tự do cá nhân tuyệt đối, không quan tâm gì đến xã hội và công ích; cũng không thiên về quan niệm bất cập coi con người chỉ là phần tử vô danh, một con số trong guồng máy vô hồn của xã hội.

GHXHC chủ trương một nền nhân bản toàn diện và liên đới. GHXHC nhìn thấy con người là hình ảnh sống động của Thiên Chúa mà hình ảnh tuyệt hảo nhất là sự nhập thể của Đức Kitô trong mỗi liên kết Thiên Chúa với mỗi một con người.

Con người liên kết thành xã hội và là chủ thể, là nền tảng, mục tiêu của đời sống xã hội. Con người có phẩm giá bất khả xâm phạm vì thế nhiệm vụ của Giáo Hội là luôn dẫn thân phục vụ, tìm cách bảo vệ và thăng tiến con người. Thiên Chúa đặt con người vào trung tâm và chóp đỉnh của trật tự sáng tạo.

Con người xét như một nhân vị có khả năng biết mình, làm chủ bản thân và có tự do nên chỉ có con người mới có khả năng tìm kiếm Thiên Chúa và được thiết lập tương quan với Người. Mối tương quan giữa con người với nhau cũng phản ảnh quan hệ Thiên Chúa với con người. Quan hệ liên vị này đem lại sự sống, sự phong phú cho ngôi vị và phục vụ cho sự sống đó. Nó phản ảnh tương quan của Ba Ngôi. Vì thế mạng sống con người là linh thiêng và bất khả xâm phạm. Bổn phận của chúng ta là phải yêu thương và chăm lo cho sự sống của người khác.

Tóm lại tính toàn diện của con người bao gồm các chiều kích: nội tâm và ngoại giới; vật chất và tinh thần, tự nhiên và siêu nhiên, cá nhân và tập thể. Mặt khác con người là trung tâm và đỉnh cao của mọi hoạt động xã hội, là tổng hòa của các mối quan hệ: với tự nhiên, với người khác, với chính mình và đặc biệt với Thiên Chúa. Chính mối quan hệ siêu việt này làm cho con người có vận mệnh và mục tiêu vĩnh cửu, là một hữu thể linh thiêng như Khổng tử nói, **“Con người linh thiêng hơn vạn vật”** [Nhân linh ưu vạn vật].

Để bảo vệ nhân vị và nhân phẩm, người ta phải tôn trọng nhân quyền. Giáo hội đã ý thức về tính cấp bách gìn giữ và bảo vệ các quyền này, xem nhiệm vụ này như là thuộc phần của sứ mạng cứu độ của mình, theo gương Chúa Giêsu, Đấng luôn tỏ ra quan tâm đến những nhu cầu của con người, đặc biệt là những người nghèo nhất.

Giáo hội thăng tiến nhân vị và bảo vệ nhân quyền trên nền tảng của Luật tự nhiên được Đấng Tạo Hóa ghi khắc trong bản tính con người. Đặc biệt, quyền tự do tôn giáo, liên quan đến tất cả những gì chạm đến phạm vi thâm sâu nhất của tâm hồn, «biểu lộ điểm quy chiếu và, cách nào đó, trở nên thước đo của những quyền căn bản khác».

Ngày nay, nhân quyền được bảo vệ bởi các Tổ chức công và tư, quốc gia và quốc tế khác nhau. Về phần mình, Giáo hội Công Giáo đặc biệt tỏ ra liên đới với tất cả những ai đang bị phân biệt đối xử và bị bách hại vì đức tin, và Giáo hội làm việc cách nhiệt thành và bền bỉ để những hoàn cảnh bất công này được khắc phục ◆

(Nguồn: **Giới thiệu sơ lược GHXHC**, Nhóm Cố vũ Compendium HTXHC thuộc Lớp HTXHC hiện đang triển khai tại Trung tâm Mục vụ DCCT Sài-Gòn thực hiện)

◆ Hạt Cải

Trẻ nghèo – cơ hội nào cho em?

Sue & Tony Wright

Mỗi năm, khi mùa thi đại học đến gần, lòng tôi lại bồi hồi một cảm xúc khó tả. Cái tất bật hối hả của tàu xe, cái ngơ ngác rụt rè pha lẫn nhút nhát sợ sệt của các thí sinh từ quê lên phố thị như kéo tôi về với kỷ niệm của những ngày xa thương ấy. Đã tròn hai mươi năm...

Tôi là đứa con duy nhất – mà lại là con gái – trong đàn con tám đứa của bố mẹ tôi còn bám víu lầy lắt vào việc học hành, bởi cái nghèo đến nghiệt ngã đã dần dần chặt đứt hết những ước mơ và nghị lực của anh chị em tôi.

Đậu tú tài, tôi lên Sài Gòn thi vào đại học. Hành trang là một cái hòm thiếc đầy sách vở, mấy bộ đồ nhà quê và một cái địa chỉ của một người chị em cạnh nhà lên Sài Gòn làm nghề giúp việc cho một quán cơm cạnh bến xe Miền Đông. Và chính cái quán cơm bé nhỏ này đã cứu mang tôi những ngày đầu lạ nước lạ cái. Dì chủ quán tốt bụng đã cho tôi ăn ở, một buổi phụ bán cơm, một buổi đi học. Quả thật, cuộc đời tôi còn may mắn...

Tôi vẫn thường tự hỏi, trong cuộc đời này có bao nhiêu trẻ nghèo được may mắn như tôi? Có bao nhiêu người đủ lòng quảng đại và tử tế để “chạnh lòng thương” người nghèo như dì bán cơm đã thương tôi? Dì đã cho tôi một cơ hội, đã mở cho tôi một lối để vào đời... Nếu

không có sự nâng đỡ của dì, biết đâu tôi chẳng còn là tôi của hôm nay...

Thời ấy, tôi thường ra công viên ngồi học bài. Hằng ngày tôi chứng kiến không biết bao nhiêu đứa trẻ đen đúa còm cõi với ánh mắt non dại bị “bố mẹ” (?) bắt đi bán vé số, sing-gum, còn họ thì ngồi một góc quan sát, điều khiển. Có lần tôi tận mắt thấy một “bà mẹ” (?) dùng dép Lào đánh vào mặt một bé gái chưa đầy bảy tuổi vì tội không mời được khách hàng. Nước mắt tôi tuôn rơi... Vốn là đứa trẻ quê khó nghèo lam lũ, tôi thương quá những bước chân xiêu vẹo của những đứa trẻ lầm lũi giữa đêm khuya, gõ lốc cốc mời người ta ăn hủ tíu còn mình thì đói lả. Các em từ miền Trung xa xôi, vì quê nhà đói kém mà đành từ bỏ tuổi ăn tuổi học, bôn ba vào đời với đủ nghề làm thuê, ở mướn. Vậy mà thi thoảng còn bị chủ nhân tâm bỏ đói, gạt tiền công. Nhưng bi thảm nhất vẫn là những bé gái, không ít những trường hợp các em bị ông chủ sàm sỡ, cưỡng hiếp đến có thai, rồi bị bà chủ đánh đuổi...

Hai mươi năm trôi qua, cuộc đời tôi nhiều thay đổi: gặp được Chúa, lập gia đình, công việc ổn định.

Bộ mặt xã hội dường như cũng khoác thêm chiếc áo mới: hiện đại hơn, nhiều nhà lầu, lăm xe hơi hơn, nhiều trường học khang trang được mở, nhiều công viên văn hóa, khu vui chơi hiện ▶

- ▶ đại dành cho trẻ cũng mọc lên khắp nơi. Sản phẩm dinh dưỡng và các loại sữa cũng ngày càng phong phú.

Thế nhưng ngoài kia, số phận của những trẻ em nghèo, hai mươi năm rồi vẫn thế. Nơi công viên, phố chợ vẫn nhan nhản những gương mặt nhếch nhác xin ăn, vẫn tiếng gõ đêm đêm vang lên khô khan mòn mỏi, vẫn bao cảnh trái ngang giữa chốn chợ đời. Nơi làng quê héo úa của tôi, trẻ em vẫn lem lốc đói khổ, đi học phải cõng em theo vì bố mẹ phải lo việc đồng áng. Và bao miền quê nghèo khác nữa, trẻ đi học phải đu dây vượt lũ. Trên cả đất nước Việt Nam này, có ai đã thử làm thống kê có bao nhiêu trẻ phải chăn bò, bỏ học?!

Vì sao khoảng cách giàu – nghèo giữa các tầng lớp xã hội, giữa đô thị và nông thôn, lại xa thế? Các nguồn vốn phát triển nông thôn đã đi về đâu? Và sự thật của cái gọi là kinh tế phát triển, người dân giàu lên phải chăng chỉ đúng nghĩa với một nhóm người?

Ôi những trẻ nghèo, cơ hội nào cho em? Ai sẽ trả lại cho em cái quyền được khỏe mạnh, no đủ, được tới trường, được vui vẻ hạnh phúc? Và những tấm lòng nào sẽ nâng đỡ cuộc đời em?

Mấy năm gần đây rộn ràng chương trình “tiếp sức mùa thi” của các em sinh viên nhằm giúp các thí sinh ở tỉnh ngay từ các

bến xe, rồi hướng dẫn cho các em nơi ăn chốn ở. Các giáo xứ cũng góp sức bằng cách cho các em ở trọ. Tôi vui lắm. Ước gì việc tốt lành này được nhân rộng ở nhiều nơi và làm thật nhiệt tình, chu đáo. Rộng và sâu hơn, nếu mạng lưới Caritas về được đến những vùng quê xa xôi, hẳn nhiều trẻ chăn bò sẽ được tiếp tục đi học.

Một ước mơ khác lại nhen nhóm lên trong lòng tôi xuất phát từ một kỷ niệm thời thơ ấu: lúc ấy gia đình tôi chưa có đạo, mỗi mùa Giáng Sinh hay trung thu, cha xứ thường phát bánh kẹo cho thiếu nhi. Bọn trẻ không Công Giáo chúng tôi đứng ngoài thềm ngưỡng và thầm ước: “Giá như ông cha nhà thờ đó bảo bọn trẻ rằng các con hãy chia sẻ bớt phần quà của mình cho các bạn ngoài kia, dù chỉ là một cái kẹo nhỏ thôi, thì cũng thật tuyệt!”. Giờ nghĩ lại, nếu cái ước mơ “táo bạo” ấy mà được thực hiện thì nhân bản biết mấy, yêu thương biết mấy, mà nào có khó gì đâu! Thiết nghĩ ngày nay, trong việc dạy giáo lý cho thiếu nhi, bên cạnh dạy các em nhận biết tình yêu Thiên Chúa, cũng cần phát động những phong trào để khơi gợi nơi các em lòng trắc ẩn, hướng đến những hành động thể hiện yêu thương, những thái độ tử tế trong cư xử, nhất là đối với người nghèo. Những “đứa trẻ ngoài kia” nếu đón nhận được những ân tình ấy, hẳn sẽ xúc động và được an ủi nhiều lắm. Nếu như mỗi Thiếu Nhi Thánh Thể được trao cho một nhiệm vụ cao cả là kết giao với một bạn nghèo hơn, và mỗi tuần dâng lên Chúa một việc lành, hẳn là Chúa sẽ vui hơn muôn vàn câu kinh suông.



Ngẫm lại sự đời, nhiều khi những nghĩa cử nhỏ đúng lúc cũng cứu được một cuộc đời. Một nụ cười dầu thoáng qua nhưng niềm vui sẽ còn ở lại.

Lạy Chúa, những gì có thể cho đi, xin đừng để con giữ lại, xin hãy giúp con tin: trong Thiên Chúa Tình Yêu, mọi sự sẽ tròn đầy ♦

Trẻ đường phố kiếm sống tại bãi rác ở Gauhati, Ấn Độ. Bức ảnh chụp ngày 19-11, một ngày trước khi Liên Hiệp Quốc kỷ niệm 60 năm ra tuyên ngôn về quyền trẻ em và 30 năm công ước quốc tế về quyền trẻ em. Ảnh: Anupam Nath

C hiều nay, vừa mở cửa bước vào phòng làm việc, thoáng thấy bóng người theo ngay sau lưng. Quay lại, trước mặt tôi là một phụ nữ vẻ mặt thất thần.

Mời chị ngồi, rót ly nước đặt trước mặt chị. Không uống, chị bắt đầu kể về cậu con trai.

Những ngày này, lẽ ra cậu chuẩn bị cho kỳ thi vào lớp 10, nhưng cậu không thi. Gần khoảng nửa năm nay, cậu biếng nhác học hành, kết quả học tập sa sút. Tháng gần đây, cha mẹ làm điều gì không vừa ý cậu, cậu lập tức chửi tục với mẹ, hỗn láo với cha.

Đó là cậu của ngày hôm nay. Hỏi chị cách đây một năm cậu là người thế nào. Chị nói cậu học giỏi, hoạt bát, vâng lời cha mẹ. Nhưng từ khi chơi với một nhóm bạn đã nghỉ học, cậu bắt đầu hư hỏng.

Tim hiểu thêm, cùng chị bàn bạc những phương án khả dĩ, để chị chọn lựa, cố gắng thực hiện, với hy vọng có thể kéo cậu bé thoát những điều xấu vừa nhiễm. Vì để con cái thay đổi, chính cha mẹ lại phải thay đổi một số điều trước tiên (chuyện này không phải ai cũng làm được), rồi mới mong trẻ đổi thay.

Tiến chị ra cửa, chị hỏi thăm vị trí phòng Thánh. Chị muốn xin lễ, cầu nguyện cho gia đình.

....

Chị không phải người đầu tiên, chắc chắn cũng không phải người cuối cùng, đến phòng tham vấn với vẻ mặt thất thần, vì câu chuyện như thế.

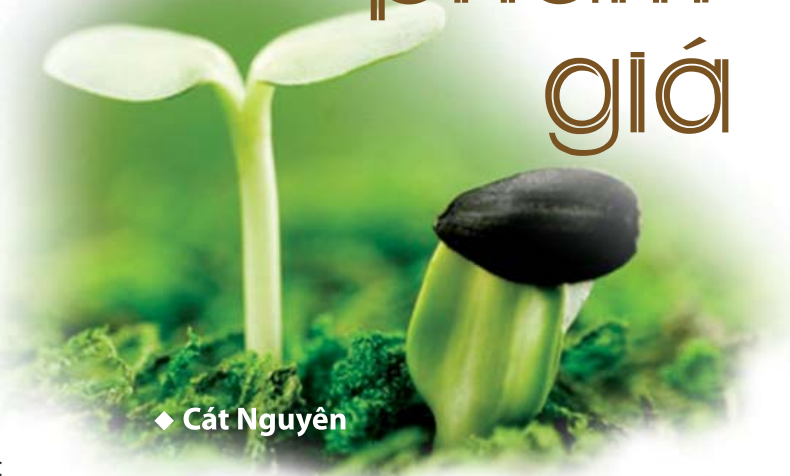
Câu chuyện của các bậc cha mẹ Công giáo này na ná như nhau. Sau khi trẻ lãnh bí tích Thêm Sức, phần vì đứa con bắt đầu căng thẳng với các cuộc tranh đua, để chiếm giữ các loại thứ hạng trong nhà trường, phần vì chính cha mẹ cũng thấy học giáo lý như vậy đủ rồi. Trẻ được sắp xếp lịch sống, nhưng trong đó không còn có chỗ cho những nguồn nuôi dưỡng tâm linh, những định hướng cuộc đời.

....

Đến phòng tham vấn, không chỉ có phụ huynh, mà còn có các bạn trẻ.

Có bạn trẻ từng sinh hoạt tích cực trong các hội đoàn của giáo xứ, nhưng nay đi học xa nhà, sẵn sàng đổi mỗi "quan hệ tình cảm" lấy những món tiền "bao" của vài người "thành đạt" (có người gọi cái này là "tình phí"), mà không hề nhận thấy nhân phẩm bị xúc phạm.

gieo mầm phẩm giá



◆ Cát Nguyên

Có bạn trẻ từng sinh hoạt trong nhóm sinh viên Công giáo, nhưng vừa ra trường, bước vào đời, bạn sẵn sàng biện minh cho sự thỏa hiệp của mình với trò "làm mờ mắt khách hàng" để bán được hàng. Vì mục tiêu rất rõ ràng của bạn là trở nên người giàu có, trở nên người "thành đạt" trong xã hội.

Dĩ nhiên, với những suy nghĩ và cách sống ấy, rồi các bạn cũng có ngày phải trả giá.

Mỗi lần tiễn các bạn ra về, tôi tự hỏi những ngày các bạn còn trong vòng tay yêu thương, chăm sóc của nhà thờ, của giáo xứ, của các nhóm sinh viên Công giáo, không biết các bạn có được gieo vào lòng những hạt mầm nhằm hướng dẫn, chuẩn bị để mai ngày các bạn sẽ bước chân vào xã hội đảo điên như thấy ngày hôm nay?

Hạt mầm đầu tiên giúp các bạn vững vàng trước bao cạm bẫy xã hội, là sự hiểu biết về PHẨM GIÁ con người.

Các bạn có thể trả lời được câu hỏi "Vì sao con người có PHẨM GIÁ?"

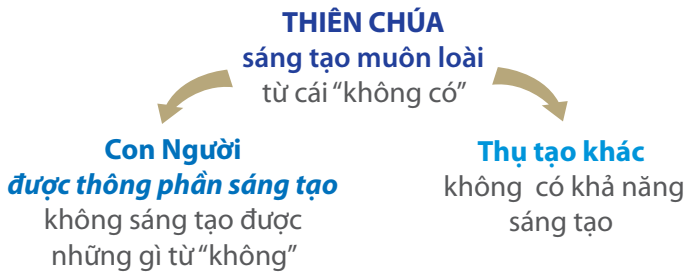
- Thừa vì con người được dựng nên giống hình ảnh của Thiên Chúa.

Nhưng các bạn không trả lời được những câu hỏi tiếp theo của tôi một cách rạch ròi:

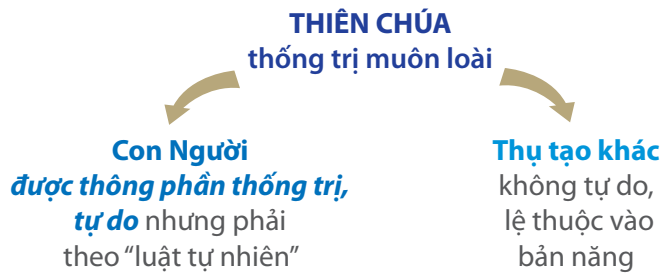
- Giống hình ảnh Thiên Chúa cụ thể là giống những điều gì?
- Tôn trọng phẩm giá con người nghĩa là tôn trọng những gì?

► Các bạn không biết? Hay đã quên những kiến thức cơ bản? Hay ý niệm PHẨM GIÁ con người không phải là điều quan trọng với các bạn?

Nếu các bạn có thể “nhớ” rằng con người được Thiên Chúa cho thông phần sáng tạo với Ngài, là dấu chứng con người được tạo dựng như “hình ảnh Thiên Chúa:”



Vì Thiên Chúa cho con người thông phần thống trị muôn loài:



Và trong các loài hữu hình, chỉ có con người mới có khả năng đi vào mối tương giao cá vị với Thiên Chúa, biểu hiện qua việc tìm kiếm Thiên Chúa, thờ lạy Thiên Chúa:



Đó sẽ là hạt mầm thứ nhất. Hạt mầm thứ hai là Ý THỨC về PHẨM GIÁ của chính mình.

Các bạn thuộc lòng câu “Con người được tạo dựng giống hình ảnh Thiên Chúa”, nhưng thực sự không có ý niệm rõ ràng, sâu sắc nào về câu đầu môi này.

Tôi suy nghĩ, trong những ngày các bạn còn sinh hoạt lớp giáo lý, tham gia các hoạt động đoàn thể Công giáo, nếu các bạn được xây dựng kỹ lưỡng, vững chắc về khái niệm PHẨM GIÁ, oam mầm Ý THỨC sâu sắc về PHẨM GIÁ CỦA MÌNH, thì các bạn có cơ may thoát khỏi những cạm bẫy kia không?

Tôi cho rằng có ♦

Nhân phẩm là sự cân nhắc chính của Công giáo và Tin lành. Giáo lý Công giáo khẳng định rằng “nhân phẩm có gốc rễ từ khi người đó được tạo nên giống hình ảnh Thiên Chúa”. Giáo hội nói: “Mọi người được tạo nên giống hình ảnh Thiên Chúa đều có nhân phẩm”. Giáo lý nói: “Quyền thể hiện tự do thuộc về mọi người vì điều đó không thể tách rời khỏi nhân phẩm của người đó với tư cách là con người”. Quan điểm của Giáo hội Công giáo về nhân phẩm, giống như quan điểm của triết gia Kant, phát xuất từ con người và ý muốn tự do, với sự hiểu biết sâu xa rằng ý muốn tự do xuất phát từ việc tạo dựng con người giống hình ảnh Thiên Chúa.

Nhân quyền cũng là sự cân nhắc chính của Do Thái giáo. Talmud (các văn bản cổ về luật truyền thống Do Thái) cảnh báo việc từ thiện chung để tránh xúc phạm nhân phẩm của người nhận. Maimonides, triết gia người Do Thái thời Trung cổ, đã soạn thảo điều lệ Halakha cảnh báo các thẩm phán để duy trì lòng tự trọng của mọi người: “Đừng để nhân phẩm bị coi nhẹ trong mắt người khác; vì lòng tôn trọng con người thay thế mệnh lệnh tiêu cực của giáo sĩ Do Thái (negative rabbinical command).”

Quan điểm của Hồi giáo về nhân phẩm cũng được Mohammad-Ali Taskhiri, bộ trưởng Bộ Văn hóa và Thông tin Hồi giáo tại Iran, đặt ra năm 1994. Theo Taskhiri, nhân phẩm là tình trạng bình đẳng của mọi người, nhưng điều đó chỉ có thể trở nên hiện thực nhờ sống đời sống tôn giáo làm vui lòng Thiên Chúa. Điều này được giữ với Bản tuyên ngôn Nhân quyền trong Hồi giáo của Cairo năm 1990, nói rằng: “Niềm tin đích thực là bảo đảm về việc làm tăng nhân phẩm cơ bản trên con đường hoàn thiện con người.”

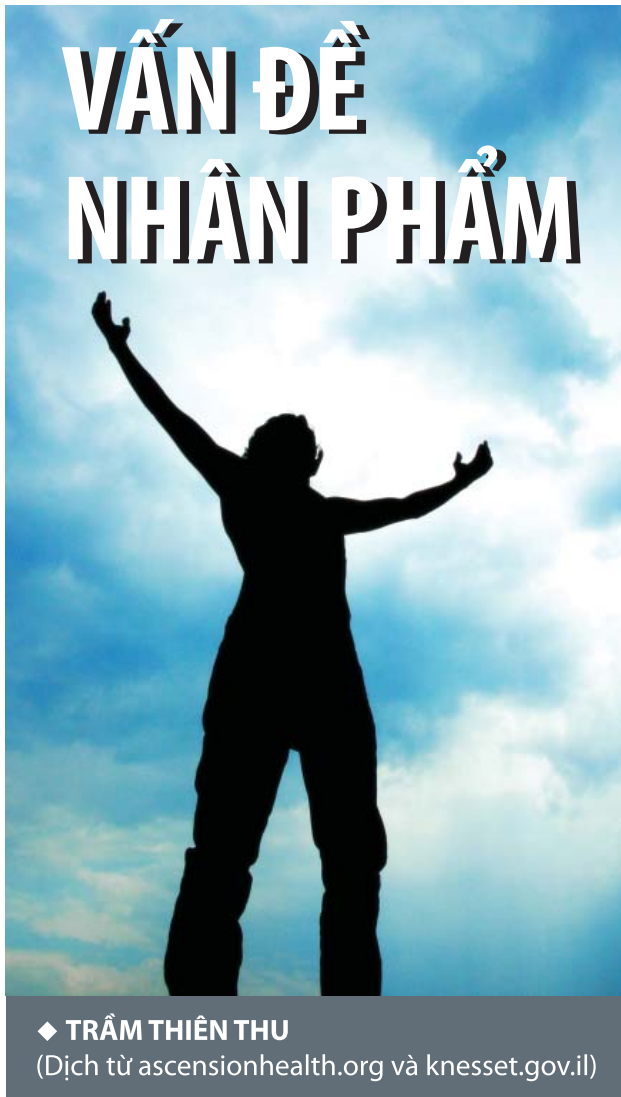
Sự xứng đáng về bản chất vốn dĩ có ở mỗi con người. Từ viễn cảnh Công giáo (cùng với viễn cảnh khác của Kitô giáo), nhân phẩm bắt nguồn từ khái niệm Imago Dei (Hình ảnh Thiên Chúa – thuật ngữ thần học chỉ dùng cho con người), trong Ôn Cứu Độ của Đức Kitô và trong định mệnh tối hậu của việc kết hiệp với Thiên Chúa. Do đó, nhân phẩm vượt qua mọi trật tự xã hội như nền tảng về các quyền và không được xã hội trao tặng, cũng không thể bị xã hội xâm phạm. Theo cách này, nhân phẩm là khái niệm nền tảng về nhân quyền. Khi cung cấp nền tảng về nhiều yêu cầu quy chuẩn, một hàm ý quy chuẩn trực tiếp của nhân phẩm là mọi người nên được nhận biết

là một thành viên vốn dĩ đáng giá của cộng đồng loài người và là cách diễn tả duy nhất về sự sống, với bản chất tâm linh và thể lý. Theo luân lý Công giáo, vì có chiều kích xã hội và cộng đồng đối với nhân phẩm, mọi người phải được hiểu, không chỉ trong thuật ngữ theo chủ nghĩa cá nhân mà còn vốn dĩ được nối kết với những người khác trong xã hội. Vì truyền thống nhấn mạnh bản chất tổng thể của cơ thể và tinh thần, con người có tầm quan trọng hơn và giá trị hơn trong khái niệm nhị nguyên phổ biến (prevailing dualistic conception) về con người, và cần thiết có quy luật tôn trọng con người.

Hàm ý quy chuẩn của khái niệm này về nhân phẩm ảnh hưởng nhiều tư tưởng luân lý của Công giáo vì điều đó gắn liền với nhiều vấn đề sống của con người, kể cả y đức. Chẳng hạn, quy luật là nền tảng để hiểu về công lý phân bổ (distributive justice) của truyền thống, những điều tốt chung, quyền sống và quyền về y tế. Các viễn cảnh khác, cả về tôn giáo và về phần đời, có thể hiểu nhân phẩm theo nghĩa tương tự với sự xứng đáng hoặc giá trị vốn dĩ và các hàm ý khác, nhưng có thể ấn định các nguồn khác về nhân phẩm.

Luật cơ bản: Nhân phẩm và Tự do

1. Mục đích của Luật Cơ Bản (Basic Law) là bảo vệ nhân phẩm và sự tự do, để thiết lập trong Luật Cơ Bản các giá trị của quốc gia Israel là nước Do Thái dân chủ.
2. Cấm xâm phạm đời sống, thân thể hoặc nhân phẩm của bất kỳ ai.
3. Cấm xâm phạm tài sản của bất kỳ ai.
4. Mọi người đều có quyền bảo vệ sự sống,



◆ TRÂM THIÊN THU
(Dịch từ ascensionhealth.org và kneset.gov.il)

thân thể và nhân phẩm của mình.

5. Cấm tước đoạt hoặc hạn chế tự do của người khác bằng cách bắt bớ, bỏ tù, dẫn độ hoặc cách khác.

6. (a) Mọi người đều được tự do rời khỏi Israel.

(b) Mọi người dân Israel đều có quyền từ nước khác vào Israel.

7.(a) Mọi người đều có quyền riêng tư.

(b) Cấm xâm phạm chỗ ở riêng tư của người khác khi họ không đồng ý.

(c) Cấm khám xét chỗ ở riêng tư hoặc thân thể của người khác.

(d) Cấm xâm phạm sự riêng tư của cuộc nói chuyện, hoặc những điều riêng tư của người khác viết ra.

8. Cấm xâm phạm quyền theo Luật Cơ Bản này trừ phi luật thích hợp các giá trị của quốc gia Israel, được ban

hành vì mục đích riêng, và không quá mức yêu cầu.

9. Cấm hạn chế quyền theo Luật Cơ Bản này do những người khác giữ để phục vụ quốc phòng Israel, cảnh sát Israel, nhà tù và các tổ chức an ninh của quốc gia Israel, hoặc những quyền như thế sẽ không phải theo các điều kiện, ngoại trừ vì luật, hoặc theo quy luật được ban hành vì luật, và không quá mức yêu cầu vì bản chất và tính chất của dịch vụ.

10. Luật Cơ Bản không ảnh hưởng tính hiệu lực của bất cứ luật nào trước khi bắt đầu áp dụng Luật Cơ Bản.

11. Chính quyền các cấp phải tôn trọng các quyền theo Luật Cơ Bản.

12. Luật Cơ Bản này không được thay đổi, trì hoãn hoặc bắt theo các điều kiện bằng các quy luật khẩn cấp; tuy nhiên, khi có điều khẩn cấp, vì tuyên bố theo khoản 9 của Luật và Quy định của chính quyền, 5708-1948, các quy luật khẩn cấp có thể được ban hành để từ khước hoặc hạn chế các quyền theo Luật Cơ Bản này, cho phép từ chối hoặc hạn chế sẽ vì mục đích riêng và vì thời điểm, nhưng không quá mức yêu cầu ◆

Văn học Việt Nam từ xa xưa đã tốn bao giấy mực để viết về phẩm giá và thân phận người phụ nữ. Phẩm giá thật cao quý thuộc loại “mai cốt cách, tuyết tinh thần”. Tuy nhiên, thân phận họ thì hẩm hiu, thiệt thòi, thấp mọn, hay lam hay làm. Họ trầm lặng như những cái bóng nhưng đẹp lung linh với các nhân đức cao quý như vị tha, hy sinh, chịu khó...

Phụ nữ Việt Nam ngày xưa là nạn nhân của các tư tưởng phong kiến mang tính cách áp đặt như “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” (một con trai kể là có, mười con gái có cũng như không), “cha mẹ đặt đâu con ngồi đó”. Là phụ nữ thì không được học hành, không được tham gia “việc làng, việc nước”, nhưng phải gánh việc gia đình và nuôi chồng, nuôi con ăn học (như bà Tú Xương “nuôi đủ năm con với một chồng”). Những tư tưởng ấy, nói chung, “trói chân” người phụ nữ trong nhà, không cho chị em ra ngoài xã hội hoạt động.

Phụ nữ ngày nay đã khác. Họ được giải thoát khỏi những tư tưởng phong kiến nói trên, được bình đẳng, bình quyền với nam giới. Họ muốn thể hiện thực lực, tài năng, muốn chứng tỏ mình không thua kém nam giới. Điều đó phù

PHỤ NỮ VIỆT NAM: những xót xa thời hiện đại



◆ Mẫu Bút Chì

hợp với GHXHCG khi đề cập đến sự bình đẳng nam và nữ về phẩm giá, vì cả hai đều nằm trong chương trình tạo dựng của Thiên Chúa. Thực tế, người phụ nữ thành đạt trên nhiều lãnh vực, từ văn hóa, chính trị, xã hội cho đến kinh tế, nghệ thuật.

Thế nhưng, người phụ nữ hiện đại vẫn phải gánh chịu những “xót xa” với đặc điểm cũng rất hiện đại. Một mặt, xót xa vì ở một khía cạnh nào đó, họ vẫn bị tước đoạt tự do và bị xúc phạm nhân phẩm. Nhưng mặt khác, xót xa là do sử dụng sai tự do của mình, không biết “gìn vàng giữ ngọc cho hay” nghĩa là biết trân trọng phẩm giá và thiên chức của mình.

Xét từ phía tác động của xã hội, trước hết phải kể đến những khía cạnh “tế nhị”: phụ nữ thường bị xâm hại và quấy rối tình dục nơi công sở, bị các sếp nam o ép đối chác. Nếu làm ở khâu ngoại giao, phụ nữ dù không muốn cũng phải tập uống bia rượu, và lắm lúc đành phải chấp nhận một cách miễn cưỡng để “trôi việc”, chỉ vì miếng cơm manh áo.

Mặt khác, ngày nay cái thiên chức làm mẹ thiêng liêng của phụ nữ cũng bị tổn hại nghiêm trọng: bị chế tài khi sinh con thứ ba; bị lừa dối, thuyết phục phá

thai vì thai nhi não úng thủy, mắc hội chứng Down v.v... nhưng thực ra thai nhi hoàn toàn lành mạnh (nhằm thực hiện chủ trương kế hoạch hóa gia đình, để mỗi gia đình chỉ được có một đến hai con); bị từ chối nhận vào làm việc trong giai đoạn trước và sau khi sinh con vì các công ty ngại nhận nhân viên làm việc kém hiệu quả trong khi phải hỗ trợ phụ nữ mang thai hoặc có con bú. Có những nữ công nhân sợ bị mất việc, đành phải dùng khăn quấn bụng để dấu bào thai, đến ngày “khai hoa nở nhụy” thì nghĩ phép một tuần để “sinh lén” (?) rồi đi làm lại!

Thành kiến trọng nam khinh nữ thực ra vẫn ẩn tàng mạnh mẽ trong xã hội. Người ta dễ dàng chấp nhận và bỏ qua chuyện đàn ông trăng hoa, nhưng không thể tha thứ cho người phụ nữ ngoại tình. Người ta truy bắt, rồi tìm cách sỉ nhục trên các phương tiện truyền thông đại chúng, thậm chí tống giam những phụ nữ bán dâm, nhưng lại không công bố danh tính những người mua dâm vì nhân phẩm và thanh danh gia đình của họ (?!).

Hoàng Tường

Về phía người phụ nữ, việc họ muốn được bình đẳng nhân phẩm là đúng, nhưng thật gay go nếu phụ nữ không nhận ra hoặc không muốn chấp nhận rằng Tạo Hóa đã dựng nên người nam và người nữ với những đặc điểm thể chất và tâm lý khác biệt, có những thiên chức khác nhau để hoàn thành những sứ mệnh thiêng liêng của ơn gọi làm người. Không thể hiểu bình đẳng nam nữ theo kiểu cào bằng, đàn ông làm được, phụ nữ cũng làm được, như kiểu hút thuốc, uống rượu và những cái đại loại như thế. Trong thực tế, cách nghĩ này đã dẫn đến

không ít cảnh đổ vỡ nơi nhiều gia đình.

Báo chí gần đây nổi đình nổi đám với mấy vụ “chân dài” hoa hậu, người mẫu làm gái bán dâm cao cấp, bị phanh phui tù tội, mất hết tiền đồ thanh danh, trong khi các “quý ông” thì vẫn “hạ cánh an toàn”! Nghĩ xót xa thay. Với nhan sắc thiên phú cộng với danh tiếng đạt được, bằng “con đường ngay” trong nghệ thuật họ cũng sẽ thăng tiến danh lợi, đâu cần phải “dục tốc” bằng mọi giá để rồi trở thành con mồi cho những kẻ lăm lăm sẵn đuổi.

Thỉnh thoảng trên đường phố, người đi đường lại giật mình với cái kiểu “marketing” hết sức phản cảm: các “teen girl” mặc đồ gần như hai mảnh, nhảy nhót mời chào khách hàng trước những cửa hiệu. Vì họ túng bản,

ngây ngô, hay vì họ thấy điều đó quá bình thường? Đến đây lại gợi nghĩ đến những cô gái chân quê tội nghiệp, chỉ vì ước mơ thoát nghèo và một viễn cảnh tốt lành nơi chân trời lạ, mà họ xếp thành hàng dài cho các “chú rể” Đài Loan, Hàn Quốc sờ nắn, lật tới, xoay lui để lựa như một món hàng. Thương thay! Phải chăng cảnh bản cùng tầm tối của cuộc sống, cộng với một mớ văn hóa hỗn loạn vô minh của xã hội, đã làm cho con người mất (hay không có?) phẩm giá thiêng liêng của mình?

Lại càng xót xa hơn, khi mà những tiếng “thiên chức làm mẹ” hay “chữ trinh đáng giá ngàn vàng” dường như không còn vang lên thiêng liêng trong lòng người phụ nữ Việt Nam thời hiện đại nữa – nhất là đối với giới trẻ. Nghĩ gì về những hài nhi bị mẹ nó vứt bỏ, nghĩ gì về nhãn hiệu “cường quốc phá thai” và những “bà mẹ teen” mà đã đôi ba lần phá thai, rồi lên “nghĩa trang anh hài online” (nghĩa trang ảo) “than khóc, thấp hương, đốt nến” cho những ngôi mộ ảo, gọi con bằng những cái tên cũng rất... teen?!

Vì đâu nên nỗi?

Phải chăng, đó là sản phẩm được tạo ra từ những hệ lụy của gia đình và xã hội, được dung nạp với ý muốn cá nhân? Hay phải chăng, là do lối sống vừa buông thả theo cái tự do tân trào của thời đại, vừa không chống lại nổi cái cám dỗ mãnh liệt của bản năng xác thịt, của ảo vọng và tiền bạc, cộng thêm những điều kiện chào mời quá thuận tiện của xã hội, mà một bộ phận phụ nữ ngày nay đã để cho những đám mây tội lỗi làm khuất mờ nhân phẩm và thiên chức cao trọng của mình???

Còn nhiều và nhiều điều nữa, không kể hết.

Điểm mặt chỉ tên những xót xa này, người viết không ngụ ý ta thán xã hội hay trách hờn người phụ nữ, mà chỉ mong họ được đón nhận với tâm tình nâng đỡ, công bằng và trân trọng hơn. Bởi còn đó những gian nan khó có thể san bằng một sớm một chiều đang chờ đón người phụ nữ trong xã hội và ngay trong chính đời sống gia đình, mà họ thì lại đang “bơi” trong một dòng lũ mịt mù, hung tợn của xã hội đương đại với những hình thái méo mó.

Ước gì những bạn nữ trẻ tuổi hôm nay, trong cái tất bật hăng say, hối hả của cuộc sống, cũng dừng lại để ngắm nhìn và suy gẫm những nỗi xót xa của thời đại mà chính các bạn, nếu không ‘tỉnh thức và cầu nguyện’ sẽ trở thành nạn nhân của những gì chúng tôi viết ở trên. Cũng xin bạn hãy biết trân trọng “Công Dung Ngôn Hạnh”, nhiều người cho bốn nét đẹp này là của người xưa, là “cổ lỗ sĩ”, thực ra, chúng đã được chứng thực và có giá trị qua hàng ngàn năm, làm nên phẩm giá người phụ nữ Việt Nam ♦



TÔI CÓ "MẮC NỢ" ?

◆ Tâm Hiền

Mưa Saigon làm cho lòng tôi thêm se lạnh. Nghe các bạn trẻ kể chuyện phá thai, tôi "lật đật" ngược mắt nguyện cầu "xin cho chúng con ra khỏi những ngõ cụt tâm hồn".

Một bạn gái tuổi "teen" không thể tin rằng bạn đã có thai vì "mới có một lần quan hệ với bạn trai mà". Bạn đỏ hoe mắt nói với tôi: "Cô ơi, con chưa chuẩn bị có thai. Con còn nhỏ mà, sao lại có thai được hả cô? Cô ơi, con chỉ muốn thử như phim xi-nê thôi!"

Một bạn Công giáo gặp tôi năm ngoái vì muốn phá thai. Bẵng đi một năm, nay lại có thai 8 tuần. Lần này lại đến xin phá thai vì bạn ấy chưa chính thức kết hôn.

Tôi tung toàn bộ "chương lược" của Giáo Huấn Xã Hội Công Giáo để nói với em rằng "Em ơi em đẹp vô song, vì em có cái lạ lùng bên trong" (Ý nói là em có PHẨM GIÁ, em là hình ảnh của Chúa, và thai nhi em đang mang trong lòng cũng là hình ảnh của Chúa, sinh linh bé tí đang sống trong tử cung cũng có quyền được sống..)

Kết quả vô vọng và vô vọng. Đồng hồ đã điểm 12 giờ trưa, em đã đi về, tôi không đứng lên nổi, ngoài kia trời mưa to.

Có bạn gái gằn cổ nói: "Người ta khuyên con đi "ĐIỀU HÒA KINH NGUYỆT" chứ đâu có nói là "ĐI PHÁ THAI". Thế là một sinh linh ra đi khỏi thế gian dưới ngôn từ mỹ miều là "ĐIỀU HÒA"!

Còn vài ngôn từ của "Cơ cấu tội lỗi" gây cho bạn trẻ hiểu không ra, hiểu mơ hồ: "Bỏ thai", "Hút thai", "Phòng tránh thai", "Ngừa thai".

Bạn gái có được ai "chỉ bảo đường lành" đâu! Mà người lớn chúng ta có khi cũng bị lúng búng lỗ tai khi nghe "Cơ cấu tội lỗi" tí tê gọi mời "chấm dứt thai kỳ". Cả người lớn chúng ta cũng đã "nhắm mắt xuôi tay" nghe theo lời đường mật chứ nói chi các bạn trẻ thiếu được quan tâm?

Vài bạn đã nghe tôi, bỏ ý định phá thai, chấp nhận về mái ấm dành cho các bạn trẻ mang thai không còn ai nâng đỡ, nơi đây còn có tình yêu của các dòng tu.

Cũng chẳng thiếu những lần các em thất hẹn, "không trở lại". Ở một nơi nào đó của phòng khám sản phụ khoa, đang xảy ra công việc chấm dứt sự sống của một thai nhi vô tội!

Tôi miên man nghĩ cách nào để giúp các bạn trẻ được huấn luyện, được nâng đỡ trước trào lưu tục hóa và trước những mời mọc tinh vi của nền thông tin phi luân lý. Tôi đã tìm thấy lời dạy của Giáo huấn Xã Hội Công Giáo: Tôi phải tìm đến với bạn trẻ, sống tình liên đới với các bạn thì mới mong giúp các bạn trẻ có được sự hiểu biết luân lý và y khoa về tính dục.

"Nguyên tắc liên đới đòi hỏi con người hôm nay phải ngày càng nhận thức rõ hơn rằng họ chính là người mắc nợ xã hội mà trong đó họ là thành viên" (GHXHCG số 195)

Như thế, tôi "mắc nợ" các bạn trẻ. Tôi sẽ tìm cách gặp gỡ các bạn ở các lớp giáo lý hôn nhân, giáo lý vào đời, ở các phong trào giới trẻ. Tôi sẽ tìm cách cho các bạn tin vào tôi, dám hỏi han tôi, và cùng với các bạn, chúng tôi lắng nghe Lời Chúa, tôn trọng và bảo vệ sự sống.

Các giáo xứ cũng "mắc nợ" bạn trẻ? Ước chi mỗi giáo xứ có phòng tham vấn cho các bạn tha hồ đến đó mà hỏi han tâm sự với những tham vấn viên yêu nghề, yêu bạn trẻ ◆

Những phân tốt nhất trong cuộc đời của một người là những hành động nhỏ bé, không tên, không đáng nhớ của lòng nhân ái và tình yêu thương.

William Wordsworth

Đồng Xu Đánh Rơi

Đồng xu nho nhỏ tròn
Trên tay mẹ héo hon,
Cho mẹ khi cần đến:
Đầy mười đồng của con.

Đồng xu nho nhỏ tròn,
Trên tay mẹ run run,
Lọt kẽ rơi xuống đất,
Lăn thật nhanh mấy vòng.

Dẫu còn lại chín đồng,
Nhưng mẹ đây vẫn tiếc,
Đồng tiền con cho mẹ,
Hiếu thảo một tấm lòng.

Mẹ đốt đèn lấy chổi,
Mẹ quét trước, quét sau,
Mọi góc giường kẹt tủ,
Vẫn chưa thấy tiền đâu.

Đồng tiền im phăng phắc,
Chẳng lên tiếng gọi bà,
Dơ dăng mình trong đất,
Thích bóng tối yêu ma.

Mẹ lại quét lại tìm,
Thấy nó nằm lấm lem,
Vui mừng như mở hội,
Đi khoe khắp láng giềng.

Mẹ có mấy người con,
Giáo dỡng thật chu toàn,
Con nào mẹ cũng quý,
Thương nhất đứa đa đoan.

Hơn mẹ, Chúa yêu người,
Tình yêu Ngài tuyệt đối,
Tiếc xót đứa đi hoang,
Sáng chiều ngong ngóng đợi.

GIOAN SƠN



Làm sao cho nhóm lên mười?

◆ Nguyễn Khang

Bé lên ba, bé vô mẫu giáo". Nhóm học hỏi Giáo Huấn đã lên ba tuổi, mà sao số người chưa tới mười! Nhìn sang các lớp học Anh Văn, lớp Kinh Thánh, lớp âm nhạc... thấy mà ham. Cả trăm.

Sao thế nhỉ ? Bao đời Giáo Hoàng từ Đức Lê-ô XIII thời thế kỷ 19 đã từng khẩn nài tín hữu chăm lo học hỏi giáo lý về vấn đề xã hội cơ mà. Vào năm



1987, Đức Gioan Phaolô II còn viết Thông Điệp Quan Tâm đến Vấn đề Xã Hội (Sollicitudo Rei Socialis) để mời gọi tín hữu rao giảng Tin Mừng cho xã hội.

Ở Việt Nam, sách Tóm lược Giáo huấn Xã hội Công giáo ngày ấy vẫn còn nằm ế ẩm trong các nhà sách Công giáo !

Nhóm học hỏi GHXHCG đã đôi lần lên mạng mời gọi, đã vài phen biểu sách, nhiều phen biểu nội san... mà sao "bé vẫn lên ba". Thua xa Dòng Ba!

Thế là bèn tìm cách chuyển sang "rủ rê", "nhỏ to tâm sự". Có lẽ các lời sau đây đã được "rót vào tai" một số tín hữu :

- Giáo Huấn là giáo lý ấy mà. Nhưng không phải giáo lý Bao đồng, Thêm sức... mà là giáo lý về Xã hội: Về kinh tế, chính trị, gia đình, lao động, môi trường, quốc tế, mục vụ xã hội...
- Giáo Huấn là lời dạy của các Đức Giáo Hoàng, Giám Mục, các bộ của Tòa Thánh...

- Giáo Huấn cũng có phần Thánh Kinh, thần học, triết học, xã hội học...
- Giáo Huấn thao thức về công cuộc thẩm nhập Tin Mừng Cứu Độ của Đức Giêsu vào trong lòng nhân loại.

Có lẽ nói năng chưa khéo, tấm lòng của người nói chưa thật là tấm lòng "si mê Giêsu" cho nên "bé vẫn lên ba", nhóm chỉ dăm ba, lơ thơ thưa thớt, tủi bút tủi nghiên, hổ thầy hổ bạn!!!

Có lúc lòng buồn vô hạn, muốn rời bỏ nhóm, rút về yên thân vì mặc cảm "học không đi với hành", "làm sao có thể ở Việt Nam"; các cha các sơ ít vị ngó ngang"; thiên hạ có khi đang ngủ cả, việc gì mà thức một mình ta" (Trần Tế Xương).

Nghĩ đi nghĩ lại thì thấy rằng mình nghĩ bậy nghĩ bạ. Ông bà dạy tiên trách kỷ, hậu trách nhân.

Chính tôi phải học cho sâu Giáo huấn trước đã. Chính tôi phải sống các nguyên tắc (nhân phẩm, công ích, bổ trợ, liên đới...) và giá trị của Giáo Huấn (chân lý, công lý, tình yêu, tự do). Khi sống các nguyên tắc và giá trị đó, tôi sẽ "si mê" Chúa của tôi, đáng yêu con người và tìm cách nâng cao phẩm giá con người. Đã yêu Chúa rồi thì tôi sẽ chịu được những lúc cô đơn, sẽ chống lại được các cảm giác đắng cay hoặc kiêu ngạo, tưởng rằng chỉ có mình là "vàng lờ" Giáo hội đi học Giáo huấn, tưởng rằng người khác lười biếng học về Chúa...

Rủ mười bạn trẻ. Nay còn có ba. Rủ năm ông lão. Nay còn có hai.

Không sao, Chúa sẽ gọi lên trong lòng con người những nỗi khát khao, sau này, vài mươi năm sau sẽ nhú lên mầm học hỏi (tôi đang tự an ủi).

Khi "rủ rê" mà thất bại, tôi sẽ nhớ thương cụ tổ Ap-ra-ham thừa nào, tìm mãi không được năm người. Tôi sẽ nhớ cụ Giô-na, cụ Phao-lô... Ôi những người nếm mùi thất bại. Và nhất là tôi thương nhớ Chúa của tôi. Ngài ráo bước đi dọc bờ biển, Ngài rủ mấy anh chài lưới. Ngài cũng chỉ rủ được có mười hai người mà thôi. Tới thế kỷ 21, nhiều tỉ người vẫn không biết Ngài, nhiều triệu triệu người cũng có lúc chán Ngài. Việt Nam mình có dăm bảy triệu người theo Ngài mà thôi, còn tới trên 90% người Việt chưa biết Ngài, thậm chí còn hiểu sai Ngài.

Vậy "tôi ơi đừng tuyệt vọng". Cứ lên đường, đừng thoái bộ. Cứ mời gọi, đừng lặng im. Cứ nguyện cầu, đừng xem quá nhiều ti-vi, internet. "Bé lên ba" nhưng có Chúa Cha, Chúa Con, và Chúa Thánh Thần ban ơn đỡ nâng. Với điều kiện...◆

Ngành y có môn dịch tễ học chi chỉt những con số báo động bệnh tật của vùng miền lục địa và toàn cầu. Số càng to, lo âu càng lớn, hành động càng cần phối hợp chặt chẽ trên diện rộng, có vậy thì mới hi vọng dập tắt nổi dịch bệnh.

Việt Nam có những con số to tướng về người ghiền xì ke, người có HIV, người mãi dâm, những ca nạo phá thai, những vụ tham nhũng, những vụ án đầy bạo lực, những vụ khiếm khuyết, những vụ tai nạn giao thông và nạn nhân, số bằng cấp giả bị phát hiện... làm lòng ta nhức nhối, lo âu.

Số lần tàu thuyền Trung Quốc ngang nhiên xâm phạm hải phận nước ta cũng làm nhiều bậc cha mẹ Việt Nam rùng mình liên tưởng những xác người trẻ lênh bênh trên sóng nước nếu Biển Đông thiếu vắng công lý và hòa bình.

Ở Việt Nam nếu có người lo toan thì cũng có người vô tư khi đọc các con số, các tỉ lệ, các biểu đồ cảnh báo về những hiện tượng trên. Nhóm người quan tâm sẽ tìm cách nói cho người nhớn như vô tư vô cảm rằng ở ta, một số vấn đề xã hội Việt Nam đã lan rộng vượt qua vùng miền, lan ra trên cả nước (**địa lý** của vấn đề). Nỗi khổ đau, vánh khăn tang, bệnh "xì-trét"... cũng đã "vỗ vập" làm "bầm dập" nhiều tầng lớp nhân dân (**tầm mức** của vấn đề).

Sách Tóm lược Học thuyết Xã hội Công giáo số 81 mô tả những dấu hiệu của một xã hội xáo trộn như sau:

- 1. QUYỀN của con người không được nhìn nhận**
- 2. QUYỀN của con người bị xâm phạm**
- 3. QUYỀN của con người bị làm ngơ**
- 4. BẠO LỰC lên ngôi**
- 5. BẤT CÔNG chễm chệ**
- 6. BẤT QUÂN BÌNH trong các cấu trúc xã hội**
- 7. LẠM DỤNG tràn lan trong xã hội**

Ngẫm lại, nhìn vào Việt Nam, 7 dấu hiệu trên tôi đều thấy cả. Mở báo nhà nước? Cũng thấy đăng. Các vị quan chức cũng thở than đi tìm hóa giải, giải mãi chưa xong.

Người tín hữu, nhất là tín hữu đang học giáo huấn xã hội có thể góp phần hóa giải chằng? Vì Việt Nam là "cõi đi về" của chúng ta. Việt Nam là "cõi người ta" của chúng ta. Giáo Hội Việt Nam chọn lộ trình Việt Nam trong cuộc lữ hành trần thế (chứ không chọn trên mây trên gió).

Để góp phần hóa giải các vấn đề xã hội, Sách Tóm lược Học thuyết Xã hội Công Giáo số 70 và Chương 12 đề nghị người tín hữu:

1. Cư xử kiên định, không nửa vời, không trù tượng, không nói suông, không lạc đề, không tùy tiện, không xa lạ, không bỏ sót "cõi người ta", nơi có "những điều trông thấy mà đau đớn lòng".

NHỮNG XÁO TRỘN XÃ HỘI: TRIỆU CHỨNG & ĐIỀU TRỊ

◆ Trần An Bình

Phải tiên vàn đổi mới chính mình từ bên trong. Đổi mới cách xem xét, cách làm (suy tư, phán đoán, hành động theo Chúa Giêsu và các nguyên tắc của Giáo huấn).

2. Rao Tin Mừng, tìm cách giúp đồng bào Việt Nam "nghe, tuân giữ, thi hành" (Mt 7,24; Lc 6,46-47; Ga 14, 21, 23-24; Gc 1,22).

3. Tham gia hoạt động mục vụ xã hội: Phục vụ con người; phục vụ văn hóa nhất là sự thật trong truyền thông; phục vụ trong lĩnh vực kinh tế, chính trị... "Đối với tín hữu giáo dân, việc tham gia vào chính trị là một hành động thích đáng" (Đức Phaolô VI, Tông thư Octogesima Adveniens, 46).

Tới đây, người viết còn mãi một bản khoản. Người viết bị bệnh "SỢ": sợ bị tù, sợ ăn nói trước đám đông, sợ cô đơn, sợ không còn thì giờ ăn chơi thoải mái, sợ thi rớt, sợ gia đình chệch bại, sợ nghèo... nếu "dại dột" tham gia chính trị hoặc dẫn thân vào các công tác mục vụ xã hội.

Xin nguyện cầu cho nhau, xin nâng đỡ nhau, xin có thêm nhiều người can đảm hy sinh vào lúc Việt Nam đang gặp nhiều thử thách như hiện nay ◆



Cụ Bình và diện tích vườn bị cưỡng chế. Phía xa là một phần khu đô thị Ecopark. Ảnh: Nguyễn Hưng - vnexpress

Đọc lại lịch sử Do Thái thời bị tàn sát hàng loạt, đọc lại thời Pôn-Pốt giết cả triệu dân Campuchia. Đó là chuyện diệt chủng của thế kỷ trước.

Nhớ lại chuyện một bác sĩ pháp y kể với tôi về các buổi xử bắn mà anh phải dự ở Việt Nam: tù nhân được điệu ra pháp trường, một phát súng nổ, thân xác đổ xuống. Tiếng súng nổ và tiếng thầy người ngã huych, cả hai đều dễ sợ cộng thêm hình ảnh máu đỏ loang trên bãi cỏ xanh

TỘI DIỆT CHỦNG thời toàn cầu hóa

◆ Thanh Tâm



càng tạo ấn tượng càng thêm rùng rợn.

Anh bác sĩ đặt ống nghe lên ngực người vừa tắt thở để xác định tim đã ngừng đập. Kê chết nằm bất động, đã đi sang thế giới bên kia!

Thời đi học sản khoa, tôi cũng chứng kiến cảnh người giết người nhưng vai diễn gồm ba nhân vật: NGƯỜI MẸ, BÁC SĨ, THAI NHI. Việc giết người xảy ra trong căn phòng đẹp đẽ, yên ắng nhưng không khí sao mà lạnh toát! Khi bác sĩ đã nạo thai xong, ông nói: “Xong rồi nghe chị, thai hơi lớn

nên máu ra nhiều. Lần sau chị nhớ đến sớm hơn, lúc thai còn nhỏ”.

Tôi nhìn thấy nước mắt của người mẹ trẻ vừa “hoàn thành” vai diễn giết con lăn trên

má, chuyển dần thành tiếng khóc nức nở. Một nữ hộ sinh Công giáo kể cho tôi bằng giọng “vui vẻ”: Khoa Điều Hòa Kinh Nguyệt có 10 phòng, mỗi phòng thực hiện 10 đến 15 ca một ngày. Tôi ngạc nhiên khi chị tiếp tục nói với tôi: “Mình đâu có trực tiếp giết người đâu. Mình chỉ phụ cho bác sĩ thôi. Lương của tôi khá hơn nhờ tiền bồi dưỡng đến từ dịch vụ điều hòa kinh nguyệt”.

Tôi hỏi chị: “Lương tâm có cắn rứt khi làm ở khoa này?” Chị nói là đã “quen” rồi. Ngày nào chị cũng trông thấy cảnh nhộn nhịp ở phòng chờ phá thai.

Tôi nghiệm thấy trẻ em bị giết êm ả không tiếng súng, không tiếng ngã huych của thầy người. Kiểu giết trong phòng với kỹ thuật tiên tiến, được chuyên gia huấn luyện để

giết người thời toàn cầu hóa!

Giáo huấn Xã hội có đề cập đến “BI KỊCH CỬA TỘI”. Tội nguyên tổ là tội tổ tiên loài người bất phục tùng Chúa. Tội cá nhân của Adam và Eva đã ảnh hưởng đến bản tính nhân loại. Tội đã lan ra tới hết mọi người.

Tội phá thai đã được nâng cấp thành “tội mang tính cấu trúc” trong thời toàn cầu hóa như thể ma quỷ đã “ám”, đã “nhập”, đã “hành” vào thời đại này. Xin chúng ta tỉnh táo nhận diện và đặt đúng tên của thứ ma quỷ này: QUÍ DIỆT CHỦNG THỜI TOÀN CẦU HÓA.

Đêm trực trong bệnh viện, đi ngang khu phá thai, cảm giác rờn rợn, tưởng tượng nghe thấy tiếng rên rỉ của thai nhi chết oan. Tiếng kêu thấu trời cao, làm rung chuyển lòng tôi.

Tôi ngược mắt lên trời cầu nguyện: xin Chúa rủ lòng thương xót loài người tội lỗi chúng con. Xin giúp loài người chúng con đuổi được loài quỷ dữ này.

Kinh Thánh dạy tôi: muốn diệt được thứ quỷ ác ôn này, phải năng ăn chay cầu nguyện. Vâng, tôi sẽ siêng năng ĂN CHAY CẦU NGUYỆN ◆



Câu nhắc nhở sống Giáo huấn Xã hội Công giáo

◆ Đan Quang Tâm

Khổng tử nói: “Ngô đạo nhất dĩ quán chi”, nghĩa là “Đạo của ta chỉ có một lẽ mà thông suốt cả”.

Đạo của Khổng tử là đạo làm người, thuộc loại “quý thân kính nhi viễn chi”, rất thực tế, áp dụng vào việc “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Trong đạo của ta thì sao nhỉ, liệu có cái “nhất dĩ quán chi” nào không để đem áp dụng vào trong đời sống xã hội? Nếu không thì e rằng ta rất khó nói tới linh đạo “thống nhất đời sống”.

Ngoài “mười điều răn ấy tóm về hai này mà chớ”, bạn có biết nếu phải tóm tắt cách sống của người Kitô giáo theo Giáo huấn Xã hội Công giáo trong vắn vắn có một câu, và là một câu Kinh thánh, thì câu đó là câu nào?

Có người đã tìm ra và câu đó là: **“Ta bảo thật các người: mỗi lần các người làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các người đã làm cho chính Ta vậy”** (Mt 25, 40).

Tại Chương 25 Phúc âm Mátthêu (đọc lên, làm ta nhớ vang vọng lời ngôn sứ trong Is 58,6-7), Chúa Giêsu nhắc ta rằng cuối đời của ta, Người sẽ tính sổ và phán xét ta theo nguyên tắc “mỗi lần các người làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các người đã làm cho chính Ta vậy”.

Vị Tội tở Chúa Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, ngộ thay, lại bảo ta rằng ngài thương Chúa bởi vì những “khuyết điểm” của Chúa, chẳng hạn như nếu ngày nay Chúa xin làm giám khảo thì có mà thất nghiệp chẳng có ai dám thuê mượn hết, vì chưa vô oral mà đã lộ để rồi.

Mẹ Têrêsa “gạo” bài chắc kỹ lắm cho “kỳ thi” này, vì trong thánh lễ an táng của mẹ, bài Phúc âm Mátthêu 25 vang lên như một ghi nhận cho cả một đời của mẹ chuyên chú suy gẫm và thực hành câu Lời Chúa thuộc loại “Giatô đạo nhất dĩ quán chi” này.

Thánh truyền và lòng đạo đức bình dân thì kết tinh

câu Lời Sống này và đoạn Mt 25, 31-46 thành Kinh “Thương xác bảy mối”:

Thứ nhất: Cho kẻ đói ăn

Thứ hai: Cho kẻ khát uống

Thứ ba: Cho kẻ rách rưới ăn mặc

Thứ bốn: Viếng kẻ liệt cùng kẻ tù rạc

Thứ năm: Cho khách đỗ nhà

Thứ sáu: Chuộc kẻ làm tội

Thứ bảy: Chôn xác kẻ chết

Thật lý thú, kinh này cho thấy đạo không phải chỉ có phần hồn, mà biết đâu đâu chăm lo phần xác cho những kẻ “bé nhỏ nhất” ở tận cùng xã hội, thậm chí còn bị gạt sang bên lề xã hội. Kinh này cũng cho thấy đây chính là bảy thói quen của hội “thương xác” chuyên chăm thực hành điều mà ngày nay ta có thể gọi là nguyên tắc “nhân vị”, lo sao để cho cả đời người không được sống cho ra người thì chí ít cũng được hưởng cái “nghĩa tử là nghĩa tận” và được chết cho xứng phẩm giá của con người.

Hóa ra Giáo huấn Xã hội Công giáo không phải là lý thuyết, mà là, suy cho cùng, một cách thực hành Lời Chúa trong hoàn cảnh hiện tại. Bên cạnh Lời Chúa, Giáo huấn Xã hội Công giáo còn bắt nguồn từ Thánh truyền và lời dạy, gương sống của các vị thánh nhân, mà gần gũi với chúng ta là Mẹ Têrêsa và Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận. ◆

*“Con có một tổ quốc Việt Nam
Quê hương yêu quý ngàn đời
Con hãnh diện, con vui sướng
Con yêu non sông gấm vóc
Con yêu lịch sử vẻ vang
Con yêu đồng bào cần mẫn
Con yêu chiến sĩ oai hùng...”*

*Con phục vụ hết tâm hồn
Con trung thành hết nhiệt huyết
Con bảo vệ bằng xương máu
Con xây dựng bằng tim óc
Vui niềm vui đồng bào
Buồn nỗi buồn của Dân tộc.”*

Đức Hồng Y Nguyễn Văn Thuận

Tam chứng cần tận diệt

◆ Nguyễn Khang

Tôi đã dành cả tháng đọc chương “Con người và Nhân quyền” trong Sách Tóm lược Học thuyết Xã hội Công giáo, dự tính sẽ thừa trình được dầm điều mới mẻ. Bụng bảo dạ thế, nhưng viết xong lại xé vì sợ đụng chạm. Giả như tôi là người Thái Lan nhỉ?

Đến giờ thứ 25 thì tôi đã kêu vui “eurêka”: Đã tìm ra! Ba điều tìm ra từ sách Giáo huấn sẽ chẳng là gì đối với nhiều người, nhưng với tôi, bây giờ, ở Việt Nam đây, trong lòng Giáo Hội này, tôi thấy Giáo huấn như nói cho tôi những điều mới mẻ, và có thể cho vài bạn bè của tôi?

Tôi đọc báo của Nhà nước thì thấy nêu lên những “lo toan Việt Nam”. Dân tộc ta đang bị “thập diện mai phục”. Đức Tin cũng nói với tôi: Ma quỷ đang mai phục tôi và đồng bào tôi. Muốn chữa các vết thương trí mạng của dân tộc, tôi phải chống được cả ma quỷ nữa cơ. Nếu chỉ lo băng bó vết thương dân tộc mà không lo chữa bệnh của lòng tôi thì coi chừng, một ngày kia tôi có thể lại gây thêm thương đau dân tộc!

Kiểu “của tôi”, kẻ sẽ gây thương đau sẽ là:

1. KHÔNG THƯỜNG XUYÊN HOÁN CẢI NỘI TÂM (số 137-Tóm lược HTXHC): Tôi chỉ dầm dìm dòm ngó ra bên ngoài tôi, dòm vào kinh tế, xã hội, chính trị, luật pháp... vì tôi thấy những vi phạm, những coi thường, những bất công, những rối loạn đã dâng cao. Tôi sốt ruột, có khi chửi thể người này người nọ mà lại quên dòm tôi!

2. KHÔNG KIÊN TRÌ TÌM KIẾM SỰ THẬT (số 139): Tôi chỉ phớt phớt đọc Kinh Thánh, nghe qua loa lời giảng, đọc dăm câu kinh rồi ngáy khò khò. Tôi chỉ bằng lòng với vài tờ báo. Tôi dừng lại khá lâu ở mục giải trí. Đương nhiên là tôi không mua sách triết thần. Đừng hòng mời được tôi đi tĩnh tâm, đi vào nhóm đạo hoặc một nhóm có suy tư về xã hội chính trị luân lý. Hậu quả là tôi sẽ “không để cho sự thật hướng dẫn mình”.

3. KHÔNG NHẬN THỨC LUÂN LÝ RÕ RỆT (số 142): Tôi chả hiểu gì mấy về luật Chúa, luật tự nhiên, luật dân sự, luật hình sự, luật quốc tế, quy tắc ứng xử trên biển...

Thế cho nên tôi đã vô tình hoặc cố ý xúc phạm đến phẩm giá và nhân quyền. Tôi làm tổn thương tình đoàn kết đồng bào. Tôi đánh mất hiệp thông với Chúa, với người và cả với thiên nhiên vạn vật. Tôi ném xác chuột ra đường, tôi vui vẻ theo “văn hóa phong bì”, tôi vượt đèn đỏ tình bơ. Tôi là “đồng sáng lập” của chủ nghĩa MACKENO!

Nhìn lại cách tôi sử dụng tự do mà Chúa ban (lẽ ra là để xây dựng sự thật, sự tốt, cái đẹp cho cộng đồng), thì nay tôi phải thành thật cúi đầu nhận lời phê bình của Sách Tóm lược Học thuyết Xã hội Công giáo (số 143): Tôi đã “hướng chiều một cách bí ẩn TRÁI NGƯỢC với thái độ cởi mở trước sự thật và điều tốt của con người, và thường chuộng điều xấu hơn, thích khép kín bản thân một cách ích kỷ, muốn nâng mình cao ngang tầm thần thánh, để tự mình quyết định lấy vấn đề tốt xấu”.

Tôi sẽ đề ra cách trị “tam chứng” trong tôi:

1. Tôi xin Chúa giải phóng tôi, chứ không xin ai khác. Tôi nhìn vào Chúa để sửa nội tâm tôi, để kiên trì tìm sự thật đời tôi và sự thật của nhân loại, của vũ trụ, của lịch sử, của dân tộc, sự thật về cái “Đèo Ngang” là nguyên nhân của khổ đau đang cứ đè mãi dân tôi.

2. Tôi tập sống hiến dâng bản thân mình như kiểu của Chúa. Tôi sẽ bớt chút thì giờ riêng tư để tham gia việc nhà xứ, việc bác ái, việc đấu tranh cho công lý và hòa bình.

3. Tôi sống có luân lý. Cụ thể, tôi tuân theo mệnh lệnh của Mười Điều Răn, sống luật yêu thương của Chúa Giêsu, mọi việc tôi làm là luôn hướng lên Thiên Chúa. Tôi sẽ ghi danh học giáo lý, nhất là lớp Kinh Thánh và lớp thần học luân lý (?)

Đó là “tam chứng” trong tôi, thoát ẩn thoát hiện, khi mờ khi tỏ. Tam chứng đó có thể gây thiệt hại vật chất và tinh thần cho chính tôi, cho gia đình, cho cộng đồng, cho dân tộc, cho nhân loại. Bắt chước nhà thơ Tagore, tôi cất tiếng: “Lạy Chúa, xin tận diệt trong con...” ◆



Mục Tử Nhân Từ

Con chiên nằm gọn trên vai,
Lắng nghe tiếng hát chàng trai nhân lành.
Chàng đi, chàng nhảy hân hoan,
Đem con chiên lạc về đàn trăm con.
Đã tìm qua núi, qua non,
Lần theo dòng suối, đường mòn cheo leo,
Thác reo, âm ỉ thác reo,
Lũng sâu khói tỏa nắng chiều tái tê.
Chiên đi chẳng biết lối về,
Chiên theo ảo vọng mãi mê xa đàn,
Vẳng nghe có tiếng sói lang,
Trên không ác diệu lượn ngang đỉnh đầu.
Chiên về đâu hỡi, về đâu ?
Bơ vơ đứng cạnh vực sâu đen ngòm.
Nghiêng mình khe núi chiều hôm,
Kéo chiên ra vực chàng ôm vào người.
Áo chàng đỏ rắng chiều soi,
Và trên vầng trán chói ngời vết gai,
Tóc thơm nồng tỏa đôi vai,
Đem khoe chiên lạc xóm đoài, xóm đông.

GIOAN SƠN



NHÂN

QUYỀN

là cái chi chi???

◆ Đinh Vượng

Ở Việt Nam ngày nay, nhiều người muốn lẩn tránh và chẳng dám nói về nhân quyền, vì họ cho rằng đó là vấn đề nhạy cảm. Tại một khóa học về GHXHCG dành cho tín hữu, một luật sư được mời trình bày về «nhân quyền», học viên hồi hộp lắng nghe, thuyết trình viên dẫn đo từng chữ từng lời làm cho buổi học hỏi trở nên «hấp dẫn lạ thường» và câu chuyện nhân quyền đang dần cả «thầy lẫn trò» đi tìm kho báu, tìm được rồi lại «nơm nớp» lo sợ... Có đáng phải «sợ» khi đề cập nhân quyền? Và nói đến nhân quyền phải chăng là vấn đề «nhạy cảm»?

Nhân quyền là cái chi mà lạ rứa?

Nhân quyền là gì mà thế giới phải bận tâm?

Nhân quyền theo HTXHCG được diễn giải rất rõ. Ở bài viết này, người viết chỉ xin đóng góp với bạn đọc một đôi nét nhân quyền theo cái nhìn chung của mọi người không phân biệt tôn giáo.

THUẬT NGỮ NHÂN QUYỀN

«Nhân quyền» (Hán – Việt) hay còn gọi «Quyền con người» (thuần Việt), cả hai thuật ngữ đều đồng nghĩa và được sử dụng trong lãnh vực nghiên cứu cũng như trong thực hành. Nhân quyền tiếng Anh là human rights; tiếng Pháp là droits de l'homme, droits humains hay droits de la personne humaine.

Nhiều người Việt Nam xem «nhân quyền» là nhạy cảm. Họ cho rằng những công dân đang lên tiếng đòi hỏi nhân quyền và đang phải chịu tù tội vì «nhân quyền là chính trị». Số người này không muốn xen vào vì sẽ đụng tới... nhà tù.

Vấn đề không phải vậy. Nói nhân quyền thì nhiều người né tránh, nhưng nếu nói quyền con người ai cũng thấy mình có liên hệ mật thiết, thấy cần lên tiếng bảo vệ. Quyền được sống, quyền được tự do cư trú, quyền được ăn nói, và nhiều quyền khác, tất cả cần được lên tiếng, cần được luật pháp bảo vệ. Có ai sống làm người mà lại chẳng có «quyền»?

NHÂN QUYỀN HAY QUYỀN CON NGƯỜI LÀ GÌ ?

Lịch sử các quyền con người từ xa xưa đã có trong phong tục tập quán của cộng đồng xã hội dân sự dù không ghi thành văn bản, hay có nơi, quyền đó được khắc ở bia đá. Quyền con người được nói nhiều trong tôn giáo và triết học, và quyền con người thường được lên tiếng trong những cuộc tranh cãi về chính trị hay tranh chấp xã hội. **Những quyền tự nhiên nằm ngay trong phẩm giá con người, phổ quát, bất khả xâm phạm và bất khả chuyển nhượng.** Không một tổ chức, một nền văn hóa, một quốc gia nào được tước bỏ, làm tổn hại đến nhân phẩm, và tự do của con người.

Ngày nay khi nói đến quyền con người, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều dựa vào định nghĩa của **Văn phòng Cao ủy Liên Hiệp Quốc về Nhân quyền**, gọi tắt OHCHR (Office of High Commissioner for Human Rights). Cơ quan này có nhiệm vụ thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người được công nhận trong Tuyên ngôn Quốc tế Nhân Quyền và luật quốc tế.

Theo đó, nhân quyền là các quyền tự nhiên do Tạo Hóa ban và không thể tước bỏ. Không một xã hội hay một chính phủ nào có thể xóa bỏ hoặc "chuyển nhượng" các quyền này. Các quyền không thể tước bỏ bao gồm quyền được sống, quyền tự do (tư tưởng, ngôn luận, tín ngưỡng, bày tỏ quan điểm, lập hội), quyền mưu cầu hạnh phúc và quyền được bình đẳng trước pháp luật. Đó là những quyền cơ bản, còn nhiều quyền khác cũng được Liên Hiệp Quốc công bố trong Bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân Quyền năm 1948.

Trong tập sách phổ biến về nhân quyền của Liên Hiệp Quốc "Hỏi-đáp Nhân Quyền – Human Rights: Questions and Answers", nhân quyền còn được định nghĩa một cách khái quát là "những quyền bẩm sinh vốn có của con người mà nếu không được hưởng thì chúng ta sẽ không thể sống như một con người."

LUẬT QUỐC TẾ VỀ NHÂN QUYỀN

Có thể nói tới 2 thời kỳ quan trọng dẫn đến sự hình thành Luật Nhân quyền: **Bản Tuyên ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền (1789)** mang tính quốc tế, khẳng định giá trị "quyền cá nhân và quyền con người thể hiện vai trò công dân". Bản tuyên ngôn này không chỉ giới hạn ở nước Pháp thời bấy giờ. **Bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân Quyền (1948)** của Liên Hiệp Quốc (LHQ), đánh dấu một thời kỳ mới, các quyền con người đặt dưới sự bảo vệ của cộng đồng quốc tế. Bản tuyên ngôn thứ hai làm nền tảng cho pháp luật quốc tế về nhân quyền, bởi vì văn kiện này không mang tính áp đặt lên bất cứ một quốc gia nào, nhưng một khi đã tham gia vào điều ước quốc tế này thì các nước phải có nghĩa vụ thực thi.

ĐẶC ĐIỂM CỦA NHÂN QUYỀN

Dựa vào tài liệu Hỏi - Đáp về nhân quyền của LHQ, quyền của con người có những đặc điểm :

- **Phổ biến** (universal), là quyền tự nhiên, vốn có nơi con người.
- **Không thể chuyển nhượng**, hay không thể bị tước bỏ, hoặc xâm phạm (inalienable).
- **Không thể phân chia** (indivisible). Mọi quyền đều có giá trị như nhau, cần được tôn trọng, bảo đảm thực hiện.
- **Liên hệ và phụ thuộc** vào nhau (interrelated, interdependent). Các quyền con người đều có liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau, xâm phạm đến quyền này sẽ có tác động đến quyền khác.

Hiển nhiên, không phải ai cũng có thể nhân danh những đặc điểm nhân quyền để chống lại sự can thiệp đến từ bên ngoài. Ví dụ, khi ai đó lạm dụng quyền tự do ăn nói dựng chuyện xuyên tạc, xúc phạm đến nhân phẩm người khác một cách trảm trọng, bấy giờ, luật pháp không thể không can thiệp.

BA THỂ HỆ NHÂN QUYỀN

Việc phân chia quyền con người thành ba thể hệ bước đầu đã được đề xuất vào năm 1979 do luật gia người Czech, Karel Vasak tại Viện Quốc Tế Nhân Quyền ở Strasbourg. Lý thuyết của ông chủ yếu lấy từ luật pháp châu Âu.

- Thể hệ đầu tiên chủ yếu đề cập đến **quyền dân sự và chính trị**: Quyền tự do tham gia vào lĩnh vực chính trị và quyền tự do của từng cá nhân (quyền sống, quyền tự do ngôn luận, quyền tự do tư tưởng, quyền tự do tôn giáo, v.v.).

- Thể hệ thứ hai gồm các **quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa**: Các quốc gia có bốn phận bảo đảm nhu cầu sinh sống của con người (quyền làm việc, quyền có nhà ở, quyền được giáo dục, quyền được chăm sóc sức khỏe, v.v.)

- Thể hệ thứ ba đi xa hơn gồm các **quyền mang tính tập thể** và rộng hơn, thuộc cấp quốc gia. Các quyền ở thể hệ này được thể hiện trong các văn bản luật pháp tiến bộ, trong đó, có « Tuyên bố Stockholm » năm 1972 của Hội nghị LHQ về môi trường, « Tuyên bố Rio về Môi trường và Phát triển » năm 1992. Nói chung, các văn kiện đề cập đến quyền mang tính tập thể ở đây chủ yếu là những tuyên ngôn, tuyên bố như là điều thỏa thuận và không có tính ràng buộc, thuộc loại Luật mềm – soft law. Một số quyền thuộc thể hệ này như: Quyền tự quyết, quyền phát triển kinh tế và xã hội, quyền được có môi trường lành mạnh, quyền về tài nguyên thiên nhiên, quyền được giao tiếp và truyền thông, quyền được tham gia vào các di sản văn hóa, quyền công bằng giữa các thế hệ và tính bền vững v.v.

TỪ LÝ THUYẾT ĐẾN THỰC HÀNH

Bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân Quyền năm 1948 được các nước trên thế giới lấy làm chuẩn mực đưa vào luật pháp của quốc gia mình, với các nước thành viên chính

thức của LHQ có nghĩa vụ thi hành – là kết quả suy tư của các tư tưởng gia, luật gia và các chính khách quốc tế khi rút tỉa hậu quả của thế chiến thứ II và nhất là việc 6 triệu người Do Thái bị Phát Xít Đức hủy diệt một cách tàn nhẫn, các vị này thấy rằng, phẩm giá con người cần phải được tái lập.

Hiểu biết các quyền con người chưa đủ, phải áp dụng thực tế. Để làm được điều này cần sự hỗ trợ của cộng đồng và nhất là của luật pháp biết tôn trọng phẩm giá con người. Một xã hội văn minh thật sự, khi các phương tiện ở đây tạo mọi điều kiện để con người phát huy quyền của mình một cách đúng đắn.

Giữa lý thuyết và thực hành nhân quyền, luôn có khoảng cách và khoảng cách này đang tồn tại. Đến nay, ở nhiều nước, quyền con người bị đối xử thậm tệ, nếu không nói là bị tước đoạt. Quyền của người dân ở các quốc gia này liên tục bị đe dọa. Tất cả các nước không ký kết tham gia Tuyên ngôn Quốc tế Nhân Quyền không nhất thiết áp dụng các quyền ở đây, nhưng có một số quốc gia tham gia, ký kết và đang là thành viên LHQ, họ không có quyền nại lý do nào khác để không thực thi. Trong bối cảnh **toàn cầu hóa** hiện nay, vấn đề nhân quyền đang được nói đến nhiều.

Để bảo vệ các quyền con người, gần như luôn luôn có cuộc vận động của các tổ chức **xã hội dân sự**, các công đoàn và các **tổ chức phi chính phủ** (tiếng Anh: non-governmental organization; tiếng Pháp: organisation non gouvernementale – viết tắt: ONG). Tổ chức ONG tố cáo những vi phạm nhân quyền, đồng thời nâng cao nhận thức và giáo dục về nhân quyền, vì những người không biết quyền lợi của mình thì không thể bảo vệ chính mình !

Trong trận chiến bảo vệ quyền con người này, các nạn nhân cũng đóng một vai trò rất quan trọng: Với sự kiên trì, Hội "Các bà mẹ ở Plaza de Mayo" đã dẫn đầu cuộc chiến từ tháng tư 1977, chống lại chế độ độc tài quân sự Argentina (1976-1983), để bảo vệ những người vô gia cư và ăn ở tồi tàn, đòi quyền bảo vệ trẻ em, chống việc cưỡng bức đi lính. **Chiến dịch** bảo vệ nhân quyền ở đây của các mẹ đã dẫn đến những cuộc đàn áp dữ dội. Quân đội thừa nhận có 9000 mẹ vô danh tính bị bắt giữ, cho đến lúc chế độ này sụp đổ vào năm 1983 Nhà nước Argentine nói có 11.000 mẹ bị giết, theo nhiều sử gia, có trên 30.000 mẹ đã hy sinh kể từ khi chiến dịch bùng nổ. Biến cố này đã gây sự chú ý của dư luận quốc tế, nhiều phương tiện truyền thông ở các nước phương Tây đưa tin và gây áp lực lên chính phủ, kết quả chính quyền độc tài này phải sụp đổ. Để biết thêm chi tiết về biến cố đặc biệt này, xem <http://www.aleph99.info/Les-meres-de-la-place-de-mai-et-la.html>

•••

"Nhạy cảm", "sợ" khi nghe nói nhân quyền cũng chưa hẳn nguyên nhân vì sợ hay nhạy cảm, trong việc này còn phải nói đến nguyên nhân « vì không biết », « vì không ai nói cho mà nghe » cả.

Ngay cả những người Công giáo, được nghe và được nói nhiều « vì con người là hình ảnh Thiên Chúa, nên phải quý trọng phẩm giá con người » nhưng mấy người Công giáo biết rõ về nhân quyền ?

Người chiến sỹ dám quên mình để bảo vệ tổ quốc chỉ vì họ có một lập trường, một tư tưởng kiên định, biết lý tưởng chiến đấu là để dành quyền tự do, quyền độc lập, quyền hạnh phúc, và nếu « **Tư tưởng không thông vác bi đông sao nổi** », câu này cũng đúng trong sự hiểu biết các quyền con người, vì « **những người không biết quyền lợi của mình thì không thể bảo vệ chính mình!** » ♦



(...tiếp theo bìa ngoài...)



Giáo sư Satoshi Fukushima, một người vừa khiếm thính vừa khiếm thị

Anh Trần Hồng Nhật, từ người tàn tật phần đầu thành một bác sĩ phục hồi chức năng

Nam: Tại sao vậy ba?
Ba: Tại vì tất cả mọi người đều là con Thiên Chúa mà con. Ngay cả Hiến chương Liên Hiệp Quốc và cả Luật Người khuyết tật của Việt Nam⁽³⁾ cũng có nhắc đến phẩm giá...



Đôi chân kì diệu của cậu bé "chim cánh cụt" Hồ Hữu Hạnh 11 tuổi⁽⁴⁾

... con người. Như vậy, nếu mình có cảm giác mặc cảm về bản thân vì một khiếm khuyết nào đó, nghĩa là mình đã không tự tin vào phẩm giá của mình rồi.



Nam: Trời, vậy mà con cứ tưởng phải làm việc gì ghê gớm lắm, ảnh hưởng nghiêm trọng lắm đến bản thân mình hay người khác mới là không tôn trọng và không tự tin vào phẩm giá chứ.



nữ sinh đánh nhau rồi quay clip

Ba: Không phải đâu con, còn có một số hành động xâm hại phẩm giá con người như nạn buôn người, xúc phạm thân thể bằng cách đánh đập, sỉ nhục người khác,...



Bé Hào Anh, 14 tuổi, bị vợ chồng chủ trại tôm hành hạ như thời trung cổ.⁽⁶⁾

Phạm Thị Phương (59 tuổi, một người giúp việc bị chủ nhà đánh đập, dội nước sôi vào người,...)⁽⁵⁾



hội chứng "tự hành hạ bản thân"

và tự tử ở trẻ vị thành niên do trầm cảm⁽⁷⁾

Ba: ...hay là xem thường phẩm giá của mình như có người đã tự tử.

Mỗi người đều có phẩm giá riêng, làm cho họ luôn luôn là một giá trị tự nơi bản thân mình.
Nhờ phẩm giá đó, họ vượt lên trên thế giới vật chất về mặt giá trị.
Ngay từ bản chất, con người đã có phẩm giá siêu việt, vượt trên muôn loài thụ tạo, vì đó là công trình tạo dựng kỳ diệu của Thiên Chúa.

Phẩm giá con người bắt nguồn từ việc con người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, được phú bẩm một linh hồn thiêng liêng, bất tử, một lý trí và ý chí tự do.
(Nhân bản Kitô Giáo bài 3-Tóm tắt Học thuyết Xã Hội Công giáo, chương 3)

(...đón xem tiếp kì sau)

Tham khảo:
(1)-<http://tuoitre.vn/Chinh-tri-Xa-hoi/449944/Pha-thai-nham-vi-benh-Rubella.html>
(2)-http://vnmedia.vn/VN/moi_nam_hon_22_000_tre_sinh_ra_bi_di_tat_bam_sinh_73_237946.html
(3)-<http://www.trekhuyettat.org/html-h70.htm>
(4)-<http://thoidiemmaria.net/TDM2012/VanHoa-NhanBan/doichankydieucuacaubecutcahaicanhtay.htm>
(5)-<http://vietnamnet.vn/vn/xa-hoi/56108/loi-ke-kinh-hoang-cua-nguoi-giup-viec.html>
(6)-<http://nld.com.vn/20100628070642836p0c1019/san-g-nay-296-xu-vu-be-hao-anh.htm>
(7)-<http://giadinh.net.vn/2008121707541778p0c1001/bao-dong-tu-tu-tuoi-vi-thanh-nien>

**Chủ đề số tới:
CÁC NGUYÊN
TẮC CỦA
GIÁO HUẤN
XÃ HỘI
CÔNG GIÁO**

Truyện tranh

Tìm hiểu 4 NGUYÊN TẮC CƠ BẢN Giáo Huấn Xã Hội

Thực hiện:
Nhóm Tâm Lý Giáo Dục -
Nhóm Học Hỏi Giáo huấn Xã hội Công giáo

I. PHẨM GIÁ CON NGƯỜI



Hôm nay là ngày Nam tròn 16 tuổi. Buổi sáng, Nam đã có buổi tiệc sinh nhật vui vẻ, ấm áp và giản dị với bạn bè. Sau bữa tối bên gia đình, ba và Nam cùng trò chuyện.



Ba: Con 16 tuổi, nghĩa là bắt đầu giai đoạn chuẩn bị tham gia các sinh hoạt xã hội với tư cách một người trưởng thành Công giáo. Trong xã hội có nhiều vấn đề, mà khi gặp phải chúng ta cần chọn lựa cách giải quyết.



...Minh là người Công giáo thì phải dùng các nguyên tắc xã hội của người Công giáo để nhận định vấn đề. Nên từ hôm nay ba sẽ hướng dẫn cho con, để giúp con khi cần sẽ có cơ sở mà chọn lựa và quyết định.



Ba: Sáng nay, ba tình cờ đọc tin trên Tuổi Trẻ Online, thấy có chuyện người ta phá thai nhằm vì bệnh Rubella⁽¹⁾. Đọc mà thấy xót xa cho các em bé... Con có nghe nói đến từ "sàng lọc thai nhi" lần nào chưa?
Nam: Dạ hình như có nghe vài lần, mà không để ý lắm.



Ba: người ta nói "sàng lọc thai nhi" đặc biệt là sàng lọc trước sinh, là để chẩn đoán sớm, can thiệp điều trị cho thai nhi trong thai kỳ, ngay sau sinh, hoặc quyết định...



...chăm dứt thai kỳ nếu có bệnh lý di truyền hay dị tật bẩm sinh, không thể khắc phục. Con nghĩ như thế nào, về chuyện "chăm dứt thai kì", đồng nghĩa với phá thai?

Chương trình sàng lọc thai nhi:

Theo thống kê của Bộ Y tế, Tại Việt Nam, giai đoạn 2007 – 2010, đã có 28.467 thai phụ được sàng lọc trước sinh. Trong đó, chỉ định chăm dứt thai kỳ 4.867 trường hợp (tức 17%). Trong khi đó, tỷ lệ thai nhi mắc tật bẩm sinh thật sự ước tính chỉ từ 1,5 - 3%.

Nguồn: VnMedia (2)



Nam: Dạ, con... không chắc nữa ba. Hồi trước ba có dạy con là con người được dựng nên theo hình ảnh Thiên Chúa, nên sự sống quý giá. Nhưng nếu thai có dị tật thì có lẽ cũng không nên giữ.



Ba: Đối với người Công giáo thì phá thai hoàn toàn sai con à. Sự sống của mình là do Chúa ban tặng, không ai có quyền chăm dứt sự sống của mình hay của người khác. Phá thai là phạm tội giết người. Kể cả tự tử, hay thậm chí là kết án tử hình một người đều không được phép.



Nam: Biết là vậy... nhưng con thấy, nếu em bé bị dị tật bẩm sinh thì sinh ra đâu có làm được gì.

Ba: Chúa ban cho mỗi người một khả năng khác nhau để làm những việc khác nhau mà con.



Ba dẫn Nam đến một cơ sở dành cho người khuyết tật. Ở đây, Nam được thấy nhiều người, tuy không được lành lặn nhưng vẫn làm việc tích cực. Họ làm hàng mỹ nghệ, dạy đàn, ca hát, sinh hoạt... rất vui vẻ.



Nam: Ba ơi, khi tiếp xúc với bên ngoài họ có thấy mặc cảm không?

Ba: Nếu mỗi người ý thức được phẩm giá của mình thì sẽ không mặc cảm. Vì như ba nói với con rồi đó, phẩm giá của mọi người đều như nhau.